

Chiếc Lược Ngà

Nguyễn Quang Sáng

Mục Lục

Con Chim Vàng

Chiếc Lược Ngà

Con Gà Trống

Con Chim Quên Tiếng Hót

Con Mèo Của Foujita

Bài Học Tuổi Thơ

Con Ma Da

Dân Chơi

Đạo Tượng

## Con Chim Vàng

Cây trứng cá trước sân nhà đã hết mùa, chim chóc ít đến. Sâu đo xanh đo thoăn thoắt trên những đầu lá trắng li ti màu phấn mốc. Một hai cơn gió to uốn quăn những cành lá thấp là đà, sâu đo níu những sợi tơ, buông mình rơi xuống đất, bò lênh nghênh. Đứng gió, cây trứng cá yên lặng, buồn hiu. Mấy hôm nay có con chim cánh vàng như nghệ, mỏ đỏ như son, ngày nào cũng sà cánh đáp xuống đây. Hai chân nó quấn chặt vào cành, thòng mình xuống, nghênh cổ lên, đưa mỏ đỏ gắp lấy sâu. Ăn no, nó rũ cánh ria lông. Nó nhảy nhót, hót líu lo.

Thằng Quyên đứng dưới gốc dùm lên, nghe vui tai đẹp mắt làm sao, nó yêu quý con chim quá! Đêm nằm thằng Quyên chiêm bao thấy bắt được chim nhót vô lông, đút mồi cho ăn. Con chim nhảy nhót, chốc chốc lại cất tiếng lảnh lót. Nhớ tới, nó khoái chí ngả ra cười híp mắt. Nó bảo mẹ bắt cho kỳ được. Đang ăn cơm, nhớ tới chim là nó hất chén liệng đĩa, khóc lên, đưa tay chụp chụp lấp con chim vàng. Nó không thèm chơi ngựa cây, xe hơi, tàu lặn nữa. Nó giật mình dậy là nó nhắc đến chim vàng.

Cũng con chim này, đối với Bà thì khác hẳn. Bà rất căm ghét con chim vàng. Có lúc nghĩ thấy con chim bị bắt nát đầu, rơi xuống, vài sợi lông vàng bay theo, Bà hả dạ lắm!

Thằng Quyên mười tuổi là con nhà chủ. Cha nó là hương quản trong làng. Bà mười hai tuổi là đứa ở chẵn trâu cho nhà này. Đêm ngủ, Bà trần trọc tìm mưu bắt cho con “bà chủ”. Bắt không được chim, không được ăn cơm.

Hai năm trước, mẹ Bà mắc nợ nhà này hai thúng thóc, nó đòi ngặt, Bà phải đến ở nợ. Nhưng nợ đó không bằng nợ con chim vàng. Gặp Bà nó đòi, Bà chịu đòn để thế. Bà sợ quá, bữa nào cũng rình cũng bắt. Nhưng bắt làm sao được, nó có cánh, vừa leo lên là nó vụt mất, có khi còn ỉa xuống mặt Bà. Hết phương cách rồi! Chiều đó Bà về, thằng Quyên đòi chim, Bà hai tay bung chiếc nón lá rách đựng đầy đồ chơi, Bà hạ giọng năn nỉ:

- Trâu đây cậu, trâu đực, trâu con, trâu cái. Tôi nắn bằng đất sét mỡ gà tốt lắm. Tôi lặn dưới sông móc tới đứng bóng, nắn tới trâu ăn no, đây cậu. Cậu rờ thử coi, tôi lấy miếng chén mài sừng nó nhọn hoắt. Trâu này tốt hơn chim vàng à cậu.

Thằng Quyên quen tính được mẹ nuông chiều, không vừa ý cái gì là nó giẫy nảy lên. Nó đưa chân đạp nhẹ mấy con trâu đất, khóc ré lên. Nó khóc mà không chảy nước mắt. Bà không khóc mà nước mắt cứ tuôn ra. Bà tức, sợ và tiếc. Bà lượm lại từng cục đất, nắn nót lại cái đầu cái chân.

Thằng Quyên vẫn khóc, nó nhào tới chụp lấy đất liệng tới tấp vào mặt

Bào, rồi nhào lặn ra thềm, đập chân đành đạch, gào lên: “Mày bắt con chim vàng cho tao, má ơi!”

Mẹ nó tới, hầm hầm như bị ai giết con, nó quơ cả trâu đất, cả chiếc nón lá rách đội giữ trâu của Bào liệng tung ra sân, rồi xỉa xói mặt Bào:

- Mày khôn hơn con tao được à! Mày lòi đất vô nhà tao à! Nhà tao không thiếu đất, mà thằng cha mày sụp lở kia, đem về mà đắp!

Để lấy lòng con, nó đánh Bào té nhủi, rồi bế thằng Quyên vào lòng:

- Ôi! Tội nghiệp! Con tôi khổ quá, thứ con chim vàng như vậy mà không có để chơi!...

Đêm nằm Bào có ngủ được đâu. Bên mái nhà lụp sụp, tiếng vồng kéo kẹt, giọng hát ru em văng vẳng:

... Ấu ơ... Chim chuyền nhành ớt lú lo,

Mảng sầu con bạn ôm o gầy mòn...

Thằng Quyên nằm trên nệm, thiêm thiếp. Nghe hát đến chim, nó nhào dậy, khóc: “Bắt chim cho con, má!”

Bào nghe Quyên khóc, lại lo ngày mai không có con chim vàng. Bào ngồi dậy, dựa lưng vào chuồng trâu, nhìn ra. Trời mênh mông, trăng sáng vằng vặc. Bào rón rén bước ra cây trướng cá, nhìn lên. Lá khế xao động như bày chim mê ngủ. Bào lấy đất vục lên. Đất rơi tòm xuống ao cá. Con chim vàng không có ngủ ở đây, nó đâu rồi kìa! Bào ngồi xuống gốc trướng cá, xoa xoa mái đầu trọc hều như sọ dừa. Bào đã tìm ra kế. Nhân lúc chăn trâu, Bào chặt nhánh ổi, lấy mảnh vỏ ốc chuốt thành nạng. Bào buộc dây thun vào, giương, buông, bắn vù vù. Bào vò luôn 10 viên đạn. Được rồi, nhất định bắn rơi con chim vàng.

Bào bước vô nhà, hớn hờ như tá điền có tiền trả nợ. Thằng Quyên hỏi:

- Chim vàng tao đâu?

- Đây cậu! Giàng thun đây cậu, tôi bắn nó rụng như lá cho cậu coi.

Tức thì thằng Quyên nhăn mặt, giãy lên:

- Không! Mày bắn chết chim tao.

Bào định năn nỉ, mẹ nó đã chõ vào:

- Con tao chơi chim sống chứ giỡn cha mày đâu mà bắn chim cho chết!

Bào trả lời:

- Nó có cánh không bắn làm sao bắt được.

Mẹ thằng Quyên xân tới, giận dữ:

- Tao không cấm mày bắn, mày muốn bắn mấy cái thì bắn, miễn đừng chết, đừng què, đừng gãy cánh chim của con tao thì thôi.

Bào tức quá:

- Không trúng làm sao bắt được.

Mẹ thằng Quyên nổi lửa lên, nó giận đũa ở dăm cái lại, nó bảo:

- Mày bắn cho nó giật mình, chết giắc té xuống không được hả!

Mái đầu Bào cúi xuống, nhẹ nhẹ lui một bước. Mồi Bào mím lại, mắt liếc mẹ thằng Quyên, tay run run nắm chặt vạt áo trĩ xuống. Bào giận sôi lên, quên mình là đũa ở, liệng giàn thun trước mặt nó, cự lại:

- Bà giỏi bà bắn đi!

Nó quơ cây rượt theo Bào, liệng vun vút.

Quá căm tức thì chống lại, chống rồi Bào lại sợ. Bào đến thằng Quyên:

- Cậu, bữa nay thế nào tôi cũng bắt được con chim vàng cho cậu!

Thằng Quyên ngẩng đầu lên, mắt nó long lanh, ôm lấy bào, nó hỏi: “Chùng nào?”. Bào đưa nhánh tre có sợi nhợ cho nó coi:

- Đây, bẫy gài đây cậu. Mà cậu cho một trái chuối chín đi!

Thằng Quyên nhảy tung lên, rồi cầm cổ chạy thẳng vô buồng, bẻ luôn hai quả. Nó đưa hai quả chuối cau chín vàng khoe với Bào. Nó cười híp hai con mắt. Lần đầu tiên nó cúi đầu sát vào Bào, xem Bào buộc quả chuối vào bẫy. Suy nghĩ thế nào, nó quay ra, lắc đầu:

- Chim không ăn chuối đâu!

- Nó ăn chứ cậu! Phải chim hát bội, chim sâu đâu, con chim này nó ăn sâu mà ăn chuối nữa, cậu. Tôi coi trâu, tôi thấy nó sà xuống vườn chuối hoài.

Bỗng mẹ thằng Quyên nện guốc bước tới, nó trở mắt nhìn hai quả chuối cau, nó hét lên:

- Mày gạt con tao ăn cắp chuối hả?

Bào lui luôn mấy bước, nép mình vô tường, mặt lấm lét:

- Dạ thưa bà, con xin chuối chín làm mồi bắt chim cho cậu.

- Chuối tao cúng thổ thần, chuối tiền chuối bạc, chuối gì chuối cho chim ăn. Mày trèo lên cây bắt sống nó cho tao.

Mẹ thằng Quyên vừa chửi vừa nhìn quanh quét kiếm cây. Bào liệng cái bẫy, chạy mất...

Không còn cách nào hơn nữa, Bào quán cây lá đầy mình, trèo sẵn lên cây từ sáng sớm. Nhánh cây trúng cá mềm quăn xuống. Bào thụt vô, dựa lưng vào cành to. Thằng Quyên đứng dưới hét lên:

- Mày ra ngoài nhánh chó!

Bào run quá, chân cứ thấy nhột, nhìn xuống thấy chóng mặt. Vòm trời cao vút. Một chấm đen bay tới. Rõ là con chim vàng. Nó lượn mấy vòng, vừa sà cánh đập, bỗng nó hốt hoảng vút lên kêu chơe chơe.

Mẹ con nó chạy vô nhà ló đầu ra:

- Mày đừng rung chớ!

Mẹ thằng Quyên nhìn theo con chim mình vàng như nghệ mỡ đỏ như son không chớp mắt:

- Bào! “Con” nín thở cho êm con. Ráng con!

Con chim bay qua nhảy nhót trước mặt. Bào vừa thò tay, nó nhảy ra nhánh. Thằng Quyên há mồm hồi hộp:

- Bắt mau, mau!

- Đó, đó! Nó nhảy vô đó con, chụp, chụp!

Nghe tiếng nó là Bào thấy roi đòn đánh đập, thấy máu đỏ như những trận đòn hôm trước. Bào cắn răng cho bớt run, nhẹ nhẹ thò tay ra, nhổm mình với tới, chụp dính con chim vàng. Chim chóc lên, mẹ con nó mừng quýnh, thằng Quyên nhảy dựng lên.

- Được chim rồi!

Vồ tay bôm bốp. Bào có cảm giác như khi mình đuổi theo trâu bị sụp những hầm giếng cạn, ruột thót lên. Hai chân Bào sụp vào không khí, tay bơi bơi - Mặt Bào tối đen - Bào rơi xuống như trái thị. Mặt Bào đập vào gốc cây, máu, nước mắt đầm đĩa cả mặt: “Trời ơi!” Con chim vàng cũng bị đập xuống đất, đầu bể nát. Trong cơn mê mê tỉnh tỉnh, Bào nghe văng vẳng tiếng guốc, nghe mẹ con thằng Quyên kêu: “Trời ơi!”.

Bào chống tay ngồi dậy, máu từ trên đầu chảy trên những chiếc lá quần vào mình nhỏ giọt. Bào cố đem toàn lực vùng dậy, nhưng tay lại khuyu xuống, đầu ngã xuống vũng máu. Mắt bào chập chờn thấy bàn tay mẹ thằng Quyên thò xuống. Tay Bào với tới, với mãi, với mãi nhưng cũng chẳng vớ được ai.

Té ra, mẹ thằng Quyên thò tay nâng lấy xác con chim vàng. Bào lại nghe tiếng tắc lưỡi: “Trời! Con chim vàng của con tôi chết rồi!”.

Hà Nội 8-1-1956

## Chiếc Lược Ngà

Vào một đêm trời sáng trăng suông, trong một ngôi nhà nhỏ, giữa Tháp Mười mà chung quanh nước đã lên đầy, nói cho đúng đây là cái trạm của đường dây giao thông, nhà nhỏ nhưng người lại đông. Chưa đến chuyển đi, chúng tôi còn phải đợi. Ban ngày, chúng tôi chẳng biết đi đâu, hết nằm lại ngò, có lúc thấy cuồng chân, thật tù túng, nhưng lại có cái thú bù lại là thọc cần câu ra khỏi nhà để câu cá. Ngày câu cá đã đủ ăn rồi, đêm không ai muốn câu nữa. Trong lúc nhàn rỗi ấy, chúng tôi thường hay kể chuyện. Và tôi nghe câu chuyện này của một đồng chí già kể lại. Ông vốn là người hay kể chuyện - nhiều nhất là chuyện tiểu lâm, có cả tiểu lâm kháng chiến nữa, chuyện nào cũng làm cho chúng tôi cười lăn cười bò. Trước khi kể, bao giờ ông cũng cười mỉm, mặt trở nên hóm hỉnh, đúng là ông lão có duyên già. Nhưng hôm ấy ông đậm ra khác thường.

Ông già kể nhưng vẫn ngồi im, đầu hơi cúi xuống, trầm lặng, mặt ngược nhìn ra mênh mông. Chắc là một chuyện cảm động, chúng tôi đoán như vậy và không đùa nữa. Bên ngoài, một cơn gió ù ù thổi tới. Cái trạm này - một ngôi nhà cất chen vào giữa một chòm cây giữa khu rừng tràm thưa, mỗi khi có một cơn gió, sóng nổi nhau đập vào tàn cây, nhà lại rung lên và lắc lư như một con thuyền đang chơi vơi giữa biển. Sóng đập đều đều vào các chòm cây. Đàn cò đứng ngủ không yên, một vài con vỗ cánh bay chập chới. Sóng gió như nhắc nhở ông điều gì, ông nghiêng tai lắng nghe. Khi cơn gió thổi qua, mặt nước trở lại yên lặng, ông mới ngẩng lên mà nói. Ông nói với chúng tôi mà như nói với cả trời nước vậy, ông không nhìn vào chúng tôi mà nhìn ra biển nước, chân trời và các vì sao.

- Chuyện xảy ra cách đây đã hơn một năm rồi, mà mỗi lần nhớ lại, tôi cứ bàng hoàng như vừa thấy một giấc mơ - Ông mở đầu với giọng trầm đục - Hôm đó, tôi đi từ trạm N.G. đến L.A. Khi chiếc xuồng máy đuôi tôm vừa xô ra bến thì chúng tôi ai cũng muốn biết người lái ấy là ai. Không phải tò mò mà cần phải biết. Bởi vì trước khi đi, người trạm trưởng có báo cáo với chúng tôi đó là một đoạn đường dài, một đoạn đi xuồng máy, một đoạn đi bộ, đi xuồng dễ gặp trục trặc soi, đi bộ thì dễ gặp biệt kích. Gặp trục trặc soi, anh em phải bình tĩnh, không được nhón nháo, không được tự động mà phải tuyệt đối tuân theo sự điều khiển của người lái. Nói như vậy có nghĩa là sinh mạng mình phải hoàn toàn phó thác cho người cầm lái ấy có phải không các bạn? Cho nên, tôi cần nhìn, cần biết rõ người đang cầm giữ sinh mạng mình. Nhưng trời đã tối rồi, tôi chỉ thấy đó là một cô gái người mảnh khảnh, vai mang cây “cạc-bin” bá xép của Mỹ, đầu chít khăn, dáng điệu gọn gàng.

Trước đó, tôi có được nghe tiếng đồn trạm này có một cô giao liên rất thông minh. Một hôm cô dẫn một đoàn khách sắp sửa qua sông, cô để khách dừng lại ngoài ruộng xa. Cô và một anh giao liên nữa tiến trước dọn đường. Đến vườn cây bờ sông, cô thấy mình đã lọt vào ổ phục kích của địch. Nhưng cô không bối rối. Cô vừa gọi người bạn của mình vừa nói, cô cố ý nói lớn cho bọn địch nghe: “Tình hình yên, không có gì, anh trở lại dẫn khách đi, còn tôi sang sông lặc xuống đem qua”. Trong câu nói ấy có ám hiệu. Anh giao liên liền quay lại, êm ái đưa khách bọc qua ngả khác, vượt sông cách đó độ một vài cây số. Còn cô ta, trước khi qua sông cô còn gài lại hai trái lựu đạn. Cô qua sông, thế là thoát. Còn đám biệt kích kia, bọn nó tưởng thật, định hốt cả một đoàn khách, nên chẳng dám rục rịch, mà cứ chờ. Chờ mãi, bọn nó biết, nó chửi rửa nhau, trong lúc lục đục kéo về lối quờ thế nào lại vấp cả hai quả lựu đạn gài, rụng hết mấy mạng. Qua chuyện đó, người ta thêm thất rằng cô giao liên ấy có cái mũi rất thính, cô dùng mũi để nghe mùi địch và có thể phân biệt được thằng nào là Mỹ, thằng nào là ngụy nữa.

Tôi nghĩ, nếu người nữ giao liên ấy là cô đang lái chiếc xuồng máy này thì mình không đến nỗi lo lắng. Tôi muốn hỏi nhưng thấy không tiện nên đành phải nói khéo:

- Ổ trạm này có mấy cháu nữ vậy hở cháu?
- Dạ một chị là chị nuôi với cháu nữa là hai.

Vậy là cô nữ giao liên này rồi, tôi cảm thấy mừng. Nghe giọng cô nói, tôi đoán cô bé độ mười tám hai mươi là cùng. Tôi cảm thấy mến, muốn hỏi thêm nhưng thấy cô đang lom khom quán dây vào bánh trôn nên lại thôi. Quán dây vào bánh trôn xong, cô đứng thẳng người, quay lại nói với xuồng sau:

- Tôi đi trước nhé!
- Mấy anh giao liên xuồng sau nhao lên:
- Thôi chị Hai đi trước đi.
- Chị Út đi mạnh giỏi nhá!

Người gọi chị Hai, người gọi chị út, chẳng biết cô thật thứ mấy.

Cô đáp lại mấy câu láu lỉnh, gọi mấy chú giao liên là em rồi quay lại chúng tôi, hạ giọng hết sức lễ phép:

- Các bác, các chú, các anh có gì quan trọng nên để trong túi áo, hoặc để trong một cái gói riêng. Lỡ gặp trục trặc bắn hoặc biệt kích thì đồ quý không bị mất, bị cháy.

Cô báo cho chúng tôi những điều không may có thể xảy ra nhưng giọng nói lại dịu dàng - dễ thương nữa - khác hẳn với giọng nói căng thẳng của ông trạm trưởng, nên tôi thấy không lo lắng. Nói xong, cô khom lưng, giật máy.



Xuồng rung lên theo tiếng máy nổ giòn, từ từ tách ra khỏi vòm cây rậm, rồi rào rào lướt tới. Gió thổi mát cả người, mát đến từng chân tóc. Nghe cô dặn, anh em khách lui húi mở bong. Còn tôi, tôi có cái gì quý ngoài giấy tờ, tiền ăn đường đã để sẵn trong túi? Tôi chợt nhớ tới cây lược ngà nhỏ. Tôi liền mở bong, mò lấy cây lược, cho vào túi nhái đựng giấy tờ, bỏ vào túi ngực, rồi cài kim tây lại thật cẩn thận.

Các bạn! Mỗi lần nhìn thấy cây lược ngà nhỏ ấy là mỗi lần tôi bắn khoăn và ngậm ngùi. Trong cuộc đời kháng chiến của tôi, tôi chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc chia tay, nhưng chưa bao giờ, tôi bị xúc động như lần ấy. Trong những ngày hòa bình vừa lập lại, tôi cùng về thăm quê với một người bạn. Nhà chúng tôi ở cạnh nhau gần vàm kinh nhỏ đổ ra sông Cửu Long. Chúng tôi cùng thoát ly đi kháng chiến, đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm. Lúc đi, đưa con gái đầu lòng của anh - và cũng là đứa con duy nhất của anh, chưa đầy một tuổi. Anh thứ sáu và cũng tên là Sáu. Suốt mấy năm kháng chiến, chị Sáu có đến thăm anh mấy lần. Lần nào anh cũng bảo chị đưa con đến. Nhưng cái cảnh đi thăm chồng ở chiến trường miền Đông không đơn giản. Chị không dám đưa con qua rừng. Nghe chị nói có lý anh không trách được. Anh chỉ thấy con qua tấm ảnh nhỏ thôi. Đến lúc được về, cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh. Xuồng vào bến, thấy một đứa bé độ tám tuổi tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi dưới bóng cây xoài trước sân nhà, đoán biết là con, không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra, khiến tôi bị chới với. Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to:

- Thu! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng lắp bắp run run:

- Ba đây con!

- Ba đây con!

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương, và hai tay buông xuống như bị gãy.



Vì đường xa, chúng tôi ở nhà được có ba ngày. Trong ba ngày gần gũi đó, con bé không kịp nhận ra anh là cha. Đêm nó không cho anh ngủ với chị. Con bé tính khí thật không vừa, nó tuột xuống giường, đứng dưới đất chồm lên, nắm tay anh kéo ra. Kéo không được, nó kê miệng cắn. Cho đến ngày đi, tay anh vẫn còn hằn sâu những dấu răng của con. Suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về con bé càng đẩy ra. Anh mong được nghe một tiếng “ba” của con bé, nhưng con bé chẳng bao giờ chịu gọi. Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:

- Thì má cứ kêu đi.

Mẹ nó đâm nổi giận, quơ đũa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống:

- Vô ăn cơm!

Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nó gọi “ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:

- Cơm chín rồi! - Anh cũng không quay lại.

Con bé bức quá, quay lại mẹ và bảo:

- Con kêu rồi mà người ta không nghe.

Anh quay lại nhìn con vừa khẽ lắc đầu vừa cười. Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi. Bữa sau, đang nấu cơm thì mẹ nó chạy đi mua thức ăn. Mẹ nó dặn, ở nhà có gì cần thì gọi ba giúp cho. Nó không nói không rằng, cứ lui cui dưới bếp. Nghe nồi cơm sôi, nó giở nắp, lấy đũa bếp sơ qua - nồi cơm hơi to, nhắm không thể nhắc xuống để chắt nước được, đến lúc đó nó mới nhìn lên anh Sáu. Tôi nghĩ thầm, con bé đang bị dồn vào thế bí, chắc nó phải gọi ba thôi. Nó nhìn dáo dác một lúc rồi kêu lên:

- Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái! - Nó cũng lại nói trống.

Tôi lên tiếng mở đường cho nó:

- Cháu phải gọi “ba chắt nước giùm con”, phải nói như vậy.

Nó như không để ý đến câu nói của tôi, nó lại kêu lên:

- Cơm sôi rồi, nhão bây giờ!

Anh Sáu cứ vẫn ngồi im. Tôi dọa nó:

- Cơm mà nhão, má cháu về thế nào cũng bị đòn. Sao cháu không gọi ba cháu. Cháu nói một tiếng “ba” không được sao?

Lúc đó nồi cơm sôi lên sùng sục. Nó hơi sợ, nó nhìn xuống, vẻ nghĩ ngợi, nhắc không nổi, nó lại nhìn lên. Tiếng cơm sôi như thúc giục nó. Nó nhăn nhó muốn khóc. Nó nhìn nồi cơm, rồi nhìn lên chúng tôi. Thấy nó lúng nhút tôi vừa tội nghiệp vừa buồn cười, nghĩ chắc thế nào cũng chịu thua. Nó loay hoay rồi nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước, miệng lầm bầm

điều gì không rõ. Con bé đảo để thật.

Trong bữa cơm đó, anh Sáu gấp một cái trứng cá to vàng để vào cái chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bắt thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:

- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?

Tôi tưởng con bé lăn ra khóc, sẽ giãy, sẽ đập đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuống, mở lời tới 1 cô làm cho dây lời tới khua ròn rảng, khua thật to, rồi lấy dầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà ngoại, méc với ngoại và khóc ở bên ấy - chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về. Ngày mai anh Sáu phải đi, đó là đêm cuối cùng của hai anh chị, chị cũng không muốn bắt nó về.

Sáng hôm sau, bà con bên nội, bên ngoại đến rất đông - Cả con bé cũng theo ngoại nó về. Anh Sáu phải lo tiếp khách, anh như không chú ý đến con nữa. Còn chị Sáu thì lo chuẩn bị đồ đạc cho chồng, chị lo xếp từng chiếc áo, gói ghém đồ đạc vun vút vào cái túi nhỏ, chị cứ lúi húi bên chiếc ba lô. Con bé như bị bỏ rơi, lúc đứng vào góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người đang vây quanh ba nó. Vẻ mặt của nó có cái gì hơi khác, nó không buồn bình hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông rất dễ thương. Với đôi mi dài uốn cong, và như không bao giờ chớp, đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngờ ngạc, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa.

Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn nó với đôi mắt trĩu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi! Ba đi nghe con! - Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người - kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba... a... a... ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “Ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm, tiếng “Ba” như vỡ tung ra từ lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới,

nhANH như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên - nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

Trong lúc đó, ngoại nó cho tôi biết, đêm qua, bà đã tìm hiểu được vì sao nó không chịu nhận ba nó. Bà hỏi:

- Ba con, sao con không nhận?

- Không phải - đang nằm mà nó cũng giẫy lên.

- Sao con biết là không phải? Ba con đi lâu, con quên rồi chứ gì?

- Ba không giống, cái hình ba chụp với má,

- Sao không giống, đi lâu, ba con già hơn trước thôi.

- Cũng không phải già, mặt ba con không có cái thẹo trên mặt như vậy.

À ra vậy, bây giờ bà mới biết. Té ra nó không nhận ba nó vì là cái vết thẹo, và bà nó cho biết, ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương - bà nhắc lại tội ác mấy thằng Tây ở đồn đầu vàm cho nó nhớ. Nghe bà kể nó nằm im, lặn lội và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn. Sáng hôm sau, nó lại bảo ngoại đưa nó về. Nó vừa nhận ra thì ba nó đã đến lúc phải đi rồi.

Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con.

- Không! - Con bé hét lên, hai tay nó xiết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi ôm chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhìn cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi. Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ, muốn bảo anh ở lại vài hôm. Nhưng thật khó, chúng tôi chưa biết mình sẽ đi tập kết hay ở lại. Chúng tôi cần về đúng ngày, nhận lệnh để kịp chuẩn bị. Thế là đến lúc phải đi rồi, mọi người phải xúm lại vỗ về nó, mẹ nó bảo:

- Thu! Để ba con đi. Thống nhất rồi ba con về.

Bà ngoại nó vừa vuốt tóc nó vừa dỗ:

- Cháu của ngoại giỏi lắm mà! Cháu để ba cháu đi rồi ba sẽ mua về cho cháu một cây lược.

Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và meo meo:

- Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba! - Nó nói trong tiếng nấc, vừa nói vừa từ từ tuột xuống.

Sau đó hai chúng tôi trở lại miền Đông. Chúng tôi là cán bộ đoàn thể, chúng tôi không đi tập kết. Từ năm năm mươi tư đến năm mươi tám, năm mươi chín và những năm khó khăn, các bạn đã biết rồi. Về công việc và đời sống ở rừng, tôi có thể kể cho đến sáng, có đêm bị biệt kích vây bắt đến ba lần, có ngày không gạo ăn, ăn toàn là bắp, nhưng thôi, đó là chuyện khác. Tôi xin trở lại mối tình cha con của bạn tôi. Những đêm rừng, nằm trên võng mắc chỉ thấy tấm ny lông nóc, lúc nhớ con, anh cứ ân hận sao mình lại đánh con. Nỗi khổ đó cứ giày vò anh - một hôm hai đứa đang rì rầm kể, anh bỗng ngồi bật dậy:

- Phải rồi! Ở rừng này, người ta thỉnh thoảng có bắn voi, mình phải làm một cây lược bằng ngà cho con bé mới được.

Và anh ao ước có một khúc ngà, một khúc ngà voi. Thật may mắn, sau đó không lâu, vì thiếu thức ăn, anh em nghĩ đến chuyện đi săn, đi săn bằng tên thuốc chó không phải bằng súng. Lúc đó rừng vẫn còn phải giữ im lặng. Thật ra thì anh em không đi săn voi, nhưng tình cờ lại gặp nó. Anh em định thả nó, nhưng anh Sáu quyết định bắn.

Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ny lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hốt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mỹ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tần mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu, con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám, năm đó ta

chưa vỡ trang - trong một trận càn lớn của quân Mỹ - nguy, anh Sáu bị hy sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống nhìn anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.

Các bạn ạ! Trong những ngày đen tối ấy, người sống phải sống bí mật thì cũng đã đành một lẽ, còn người chết cũng phải chết bí mật nữa. Mộ của anh không thể đắp cao lên được - tìm thấy mồ mả, chúng sẽ đào lên và tìm ra dấu vết - cho nên ngôi mộ của anh là ngôi mộ bằng, bằng phẳng như mặt rừng vậy. Tôi lấy dao khắc vào một gốc cây rừng cạnh chỗ anh nằm làm dấu cho dễ nhớ.

Sống như thế và chết như thế, hỏi vậy làm sao mà chịu được? Chúng ta buộc phải cầm súng.

Sau khi có căn cứ khá an toàn, người nhà tôi có đến thăm. Tôi định gửi cây lược ngà về cho cháu Thu. Nhưng chị Sáu và cháu Thu không còn ở làng nữa. Qua những lần tổ cộng, những trận càn, những trận đốt làng dồn dân của bọn Mỹ, không có mấy năm mà làng nước tan tác đi nhiều lắm. Mỗi người đi mỗi nơi chẳng ai được tin ai. Người nhà tôi bảo có lúc nghe chị Sáu chạy lên Sài Gòn, có lúc lại nghe chị Sáu lại quay về Đồng Tháp, vì thế mà tôi giữ mãi cây lược của cháu.

Tôi cầm cây lược nhìn ngắm, lòng thấy buồn người.

Trong lúc đó tiếng máy vẫn nổ giòn, và tôi lại muốn nhìn rõ cô giao liên - người đang giữ sinh mạng của mình. Đêm không tối, cũng không sáng, nền trời tràn qua nhiều lớp mây mỏng, rải rác một vài chòm sao. Trời sáng mập mờ - Tôi chỉ nhìn thấy được dáng người của cô giao liên, gương mặt như hơi tròn và một đôi mắt, đôi mắt của người con gái thật là khó tả. Chẳng hiểu có sao, từ cái ánh mắt ấy, tôi dần dần thấy một người quen, quen lắm. Tôi cố nhớ, nhớ không ra, tôi thấy mình lẩn thẩn.

Bỗng có tiếng kêu thất thanh:

- Máy bay!

- Máy bay!

Xuông liền chòng chành, như có người định lao xuống, người nhón nhào và nhiều tiếng lao nhao lên:

- Táp vào!

- Đâu?

- Đèn nó ở phía sau kia!

- Táp vào, táp vào. Phản lực!

Cô giao liên cho máy nổ nhỏ dần, quay lại sau một lúc rồi bảo:

- Không phải đâu, sao trên trời đó mà.

Trong lúc mọi người đang lo, có người hoảng hốt, có người định nhảy thì giọng của cô bình tĩnh như vậy đó. Có người chưa thật tin, nhưng trước thái độ thần nhiên của cô, mọi người lại ngồi yên. “Sao trên trời đó mà”, giọng nói nhỏ nhẹ và ngọt ngào. Và cô lại cho máy nổ to.

Sau mấy ngày đi bộ, được ngồi trên chiếc xuồng máy thật là thích thú. Nhưng nghĩ đến máy bay, tôi lại thấy phiền. Tiếng máy đuôi tôm nổ to quá như át cả tiếng máy bay. May mà gặp cô giao liên bình tĩnh, cô mà rồi, chắc có người đã nhảy rồi, xuồng chắc cũng chìm mất. Tôi cố không nghĩ gì khác, tập trung lắng nghe tiếng máy bay.

Xuồng bắt đầu vào một quãng kinh trống, hai bên bờ không có một ngôi nhà, xa xa một chòm tre, một lùm cây, hai bên là cánh đồng hoang. Tôi sốt ruột muốn cho xuồng lao nhanh hơn. Hình như hiểu tâm trạng tôi, cô cho máy nổ to. Sóng trước mũi xuồng trào lên kéo thành những đợt sóng dài, làm run rẩy đám cỏ hai bên bờ, vỗ bập bênh các giẻ lục bình và các đám nghề 2 mọc hoang.

Trong lúc mọi người đang yên tâm, đang thích thú ngồi trên chiếc xuồng lao nhanh thì cô giao liên tắt máy báo tin:

- Máy bay!

Cô vừa nói vừa táp sát lại bụi tre. Chiếc xuồng sau cũng táp lại. Rõ ràng là có tiếng máy bay, tiếng cánh quạt “lạch bạch” của đám trực thăng Mỹ. Tôi chẳng biết cái lỗ mũi của cô thính đến cỡ nào, còn cái tai của cô rõ là thính thật, tiếng máy bay lẫn trong tiếng máy đuôi tôm, thật khó nghe.

Xuồng chòng chành, có người chơi với muốn té:

- Nó còn xa lắm! - Cô trấn tĩnh chúng tôi - Các bác, các chú bước lên phân tán mỏng, tìm núp vào chỗ kín. Nếu nó có soi tới các bác, các chú nhớ đừng động đậy - Trong lúc cô nói, anh em khách đã vọt lên bờ hết rồi. Tôi là người cuối cùng. Tôi vừa bước lên thì cô bảo:

- Bác cứ ở đây đi. Xuồng ít người không sao!

Nếu một người nào khác bảo như vậy, tôi chắc không nghe. Trước thái độ của cô, ngồi cùng một chiếc xuồng với cô tôi thấy vững hơn ngồi trong công sự.



Đám trực thăng Mỹ từ đầu kinh soi lần lần tới, tiếng động cơ của nó rầm rộ, như hàng chục chiếc tàu thủy đang chạy. Ánh sáng ngọn đèn soi của nó mỗi lúc một gần. Bọn Mỹ, nguy thường đi ba chiếc, một chiếc tìm người, tìm mục tiêu, còn hai chiếc soi đèn thì bắn.

- Lấy lá cây che kín, đừng động dậy nhé! - Cô lại nhắc tôi.

Đó là lần đầu tiên tôi bị trực thăng soi, khi ngọn đèn của nó soi qua - cái thứ ánh sáng chói chang và tiếng cánh quạt đập trên đầu, tôi thấy xuống mình rõ quá, tôi thấy cái be dài, thấy những lỗ trống của ba lô dưới lớp lá nguy trang, thấy cỏ quần lên như trong một cơn lốc, tôi nghĩ: “Thôi chết rồi”. Tôi rút vai thu mình cho nhỏ lại. Như đoán được tâm trạng của tôi, cô lại nhắc:

- Nó không thấy rõ mình như mình thấy mình đâu!

Lần này, lời cô nói với tôi không hiệu quả nữa. Phút chốc tôi lại muốn lao xuống nước. Nhưng tôi kịp trấn tĩnh.

Rồi cái ánh sáng ma quỷ ấy xa dần với tiếng động cơ rầm rộ mỗi lúc mỗi xa. Đêm lại mờ mờ đi. Tôi vẫn ngồi im vì còn lo nó quay trở lại. Cô giao liên nói như an ủi tôi:

- Nó làm coi dữ vậy, nhưng nó chẳng thấy cái gì đâu. Miễn là mình bình tĩnh, đừng động dậy - Đoạn cô nhìn ra cánh đồng, gọi anh em khách. Anh em có người ướt nhem, vừa thay quần áo, vừa chửi rửa. Xuống lại nổ máy.

Quá nửa đêm, đoàn chuyên lên đi bộ - Chúng tôi đi men theo bờ mầu, băng qua cánh đồng, bờ mầu chỗ bùn lầy, chỗ lồi lõm, chỗ nhầy nhụa, chúng tôi đi sát vào nhau và hầu như thay phiên nhau trượt té vậy. - Người này đang lom khom ngồi dậy, người khác lại đánh “ạch” ngã xuống ruộng, chúng tôi, dép cầm tay, mò mẫm đi từng bước, cứ thế mà đi. Gần đến bờ sông, giao liên cho chúng tôi dừng lại, phải trình sát đi bám đường.

Hai trinh sát đi khoảng hai mươi phút thì đụng biệt kích. Lần này bọn nó không nằm phục trong đám vườn dọc bờ kinh, nó chồm ra ngoài ruộng. Súng nổ tới tấp. Đạn rít veo veo qua đầu chúng tôi.

- Nằm xuống! Cô giao liên ra lệnh - Anh Tư dẫn khách đi, tôi ở lại.

Chẳng hiểu sao, lúc đó tôi muốn kéo cô cùng đi. Qua giọng phân công của cô, tôi đoán cô là nhóm trưởng. Vừa nghe tiếng cô, nhìn lại cô đã vụt chạy đâu rồi. Đạn đạn thành lưới rít qua đầu chúng tôi, rơi “chéo chéo” trên mặt ruộng, khiến chúng tôi phải nằm dán người vào bờ mầu không sao ngóc đầu lên được.

Trong lúc đó, phía bên trái, bỗng có nhiều tiếng “cạc bin” nổ. Lập tức đường đạn bay về hướng đó. Tôi đoán biết, cô giao liên đang dẫn đường đạn bay về mình.



- Chạy! - Anh Tư, người giao liên ra lệnh. Đoàn khách chúng tôi liền vọt lên. Tôi không phải là người dạn súng cho lắm, nhưng lúc đó, tôi không thấy lo cho mình nữa, tôi cứ nghĩ đến cô giao liên. Đoàn khách chúng tôi - không hàng ngũ, chạy bừa qua ruộng lúa, đâm thẳng ra ven cây, rồi vượt qua sông.

Tiếng súng mỗi lúc một dữ dội. Tôi cố lắng nghe tiếng “cạc bin” của cô, nhưng không tài nào nghe được, lòng cứ xôn xang.

Nhờ có tiếng súng biệt kích mà chúng tôi đến rặng cây làng rất sớm. Anh em bên kia trạm - trạm L. A, cũng vừa đến, không phải chờ lâu.

Đoàn tập hợp lại trong một đám dừa bị chất độc hóa học, tàu lá lơ thơ, trống trải. Đoàn khách còn đủ mặt, có một vài người bị mất dép, có người qua sông bị trôi ba lô. Còn tôi, già mà hầy còn cứng. Tôi chả mất một món gì.

Ai cũng mệt mỏi, anh em giao liên cho chúng tôi nằm nghỉ đến sáng. Có người không cần phải mặc võng, cũng chẳng trải ni lông, nằm vật xuống đất, lấy bông làm gối, ngáy pho pho. Còn tôi, vì nhiều nỗi, nên cứ lơ mơ. Tôi đang trên đường về tỉnh nhà. Làng nước đâu còn như xưa nữa. Người ta bị rời nhà, bị dồn vào các trại tập trung, rồi người ta lại phá ra, cả vườn tược cũng thay đổi. Tôi nghe nói vậy, nhưng không thể hình dung ra được. Tôi cứ nhớ lại cảnh cũ. Nhớ những lần trở về, nhớ cảnh chia tay của cha con anh Sáu mà cây lược tôi vẫn còn giữ đây. Trong khi nghĩ miên man, đôi lúc tôi chợt nhớ đến anh em ở lại chặn bọn biệt kích. Nhất là cô giao liên. Chẳng hiểu cô bé và anh em giao liên ra sao. Mệt quá rồi tôi cũng thiếp đi...

Nghe đâu đây có tiếng chân đi, tiếng người nói, tiếng cười đùa. Tôi chợt tỉnh dậy, thấy trời đã đậm mây ngang, màn đêm như vén dần ra cánh đồng. Tôi thấy một nhóm người, chẳng nghe họ nói gì, nhưng biết là họ đang kể lại những chuyện sôi nổi. Và tôi nhìn thấy, cô giao liên, quần áo cô bùn đất bê bết và đầm ướt. Thế là họ về kịp rồi.

Tôi vừa đến họ cũng vừa chìa tay ra. Bây giờ tôi mới nhìn rõ cô. Cô vừa chặn địch, vừa bước ra khỏi chỗ nguy hiểm mà mặt cứ phôi phôi. Mặc dù nước da cô bị rám nắng, tôi trông cô không quá hai mươi tuổi. Con gái hai mươi tuổi không thể có cặp mắt trong sáng như thế, và cô mới ngây thơ làm sao, cô vẫn còn đeo bông tròn ten, cô đi dần về phía tôi, tôi bỗng muốn tỏ lòng mến phục của tôi đối với cô, cả lòng cảm ơn nữa. Nhưng chẳng lẽ lại nói như vậy, tôi mỉm cười chào cô và làm quen:

- Này cháu. Bác lo cho cháu quá! Cháu thứ mấy?

- Dạ cháu thứ hai.

- Sao bác lại nghe có người kêu cháu là chị út? Chắc là cháu đã có...

- Dạ không! - Cô giao liên chặn câu nói của tôi lại - Cháu vừa thứ hai vừa

thứ út vì cháu là con một mà!

- Cháu là người ở làng nào mà sao bác thấy quen quen.

- Dạ cháu ở Cù Lao Giêng!

Nghe đến tên làng, tôi bỗng giật mình. Nhìn cái đôi mắt cô bé, ngực tôi bỗng phập phồng, và như có linh tính, tôi liền hỏi lại, hỏi dồn dập:

- Có phải Cù Lao Giêng, quận Chợ Mới, tỉnh Long Châu Sa không vậy cháu?

- Dạ phải.

- Cháu tên gì?

- Cháu tên Thu.

- Thu à? - Tôi lặp lại vờ kinh ngạc.

Tôi lặp bập hỏi tiếp:

- Có phải ba cháu là Sáu, má cháu là Bình phải không?

Cô bé kinh ngạc đến nỗi không nói được nữa, nó mở tròn mắt nhìn khắp người tôi. Trong lúc đó, anh em giao liên trạm L.A. kêu khách chuẩn bị lên đường. Nhưng tôi chẳng để ý cũng chẳng muốn nghe, tôi quay lại và bảo:

- Chờ tôi một chút.

Tôi quay lại cô bé. Cả hai người vẫn còn ngạc nhiên. Cô bé vẫn tròn mắt nhìn tôi, đúng, đúng, đúng là đôi mắt của con cháu. Tôi thầm nghĩ, và bảo:

- Có phải không cháu?

- Dạ... Sao bác biết?

Tôi cố nén xúc động nhưng cũng lặp bập nhắc lại:

- Bác là bác Ba đây này. Cháu có còn nhớ lúc ba cháu đi, ba cháu có hứa mua cho cháu cây lược không?

Cô cháu khe khẽ gật đầu: “Dạ nhớ, dạ nhớ”.

Các bạn ạ! Trong kháng chiến có những cuộc gặp gỡ thật tình cờ! Tôi vừa nhìn cháu, vừa móc túi lấy ra cây lược.

- Ba cháu gởi cho cháu cây lược ngà này đây. Cây lược này do ba cháu làm.

Đôi mắt của cháu lại to tròn hơn, mặt xúc động đến thần thờ. Cháu đưa tay nhận cây lược. Cây lược như đánh thức kỷ niệm ngày chia tay, ngực cháu phập phồng. Thấy cháu nhìn ngắm cây lược, tim tôi bỗng nhói đau. Tôi biết cháu đang bàng hoàng trước hạnh phúc bất ngờ, tôi không muốn làm gì xáo động đến hạnh phúc của cháu, tôi thấy cần phải nói dối:

- Ba cháu vẫn khỏe, ba cháu không về được, nên gởi cho bác.

Cháu Thu liền chớp mắt nhìn tôi, môi mấp máy run run:

- Chắc là bác lầm, cây lược này không phải của ba cháu.

Tôi đâm ra thất vọng, hoang mang nữa, tôi hỏi lại:

- Ba cháu tên Sáu, má cháu tên Bình phải không?

- Dạ phải - Hình như cháu muốn khóc, mắt cháu đỏ hoe nhưng cố nén và nói:

- Nếu cháu không làm thì chắc bác sợ cháu buồn nên bác nói giấu cháu. Cháu biết cha cháu chết rồi. - Cháu chớp mắt, hai giọt lệ ứa ra, vỡ tràn qua đôi mắt - Cháu chịu đựng được, bác đừng ngại, cháu nghe tin ba cháu chết đã hai năm rồi, sau đó thì cháu xin má cháu đi giao liên...

Cháu còn muốn nói gì nữa, nhưng giọng bị tắc nghẹn đầu cúi xuống, mái tóc khẽ run run. Còn tôi, tôi lỡ nói dối, nên chẳng biết thế nào nữa, đành im lặng.

Trong khi đó, anh em trong đoàn táo tác gọi tôi, giục tôi đi. Không thể nán lại được nữa, tôi đành phải vội vàng hỏi xin cháu địa chỉ, hỏi thăm qua mẹ cháu và bà con.

Nỗi mừng gặp gỡ bất ngờ khiến tôi chưa hết bàng hoàng thì lại phải chia tay. Nhìn cháu tôi bỗng buột miệng nói:

- Thôi, ba đi nghe con!

Tôi không nghe cháu đáp lại, chỉ thấy đôi môi tái nhợt của cháu mấp máy.

Đi được một quãng xa nhìn lại, tôi thấy cháu cố đi theo tôi một đoạn đường. Cháu dừng lại trên bờ mầu những đợt sóng lúa xanh nhỏ nối đuôi nhau dập dờn như chạy đến vỗ về cháu. Sau lưng cháu là đám dừa bị chất độc hóa học mà tàu lá chỉ còn những cọng khô như những chiếc xương cá khổng lồ treo lủng lẳng, đợt non vừa mới đâm lên, xa trông như một rừng gươm.

Lúc chia tay, tôi không nghe cháu gọi tôi là ba. Nhưng những lúc nằm một mình, nhớ lại thì tôi nghe tiếng gọi “ba” của cháu, và tiếng “ba” như vang lên từ trong tâm tôi.

Tháp Mười 23-09-1966

## Con Gà Trống

Đã là con gà trống thì phải gáy chứ! Vậy mà con gà trống của chúng tôi từ nay không được quyền gáy nữa. Điều đó được ghi rõ trong chỉ thị chống càn của Ban chỉ huy gửi cho cơ quan.

Trong buổi sinh hoạt chỉ thị chuẩn bị chống càn, những vấn đề quan trọng, chúng tôi thông qua thật dễ dàng. Chỉ có việc làm sao cho con gà trống đừng gáy là mất nhiều thì giờ nhất. Để chứng minh cho sự tai hại của tiếng gáy của con gà, trong chỉ thị có kể ra một câu chuyện cụ thể như sau: Cơ quan an ninh vừa rồi có bắt được một nhóm biệt kích Mỹ. Một thằng biệt kích khai, bọn chúng từ trên trực thăng đổ xuống một khu rừng rậm, chúng sống lén lút gần một tháng mà không sao mò được địa điểm của các cơ quan. Một hôm, bọn chúng nghe đâu đó có tiếng gà gáy, lần theo tiếng gà nó tìm thấy một cái chuồng, từ đó nó thấy một cái bếp, một cái giếng nước, những ngôi nhà nhỏ lợp bằng lá trung quân, hoặc lợp bằng ny lông núp dưới bóng cây. Sau cùng, bọn chúng phát hiện ra những con đường mòn nhỏ dẫn đến các nơi. Ngay hôm sau cơ quan ấy bị đánh bom. Trái bom đầu tiên đánh trúng cái chuồng gà, trái bom thứ hai đánh trúng cái bếp, rồi kế cái giếng và lan dần ra.

Vậy là chuyện này không thể nào linh động được, nhất thiết là gà không được gáy. Mới nghe, tôi phát bật cười. Người - tôi thấy có người câm. Ta cũng có thể câm một người nào đó không được quyền nói và cũng có người vì cảnh đời nào đó mà có lúc giả câm, không thèm nói với ai một lời nào. Còn gà thì tôi chưa thấy con gà trống nào bị câm bao giờ. Gà trống mất tiếng là gà bị thiến và phải thiến cả hai “trứng”. Con gà trống của chúng tôi là gà đẻ giống, không thể câm nó không được gáy, không được gáy nó sanh ra làm thân con gà trống để làm gì! Nhưng bây giờ, đó là việc nghiêm túc của chiến trường, phải thi hành. Nhưng biết làm cách nào. Một người đưa tay có ý kiến:

- Có gì phải bàn! Hấp rượu, bảy phút là xong.

Ý kiến vừa đơn giản, vừa gọn lại được ăn, nhưng cũng là ý kiến dở nhất. Giết chết nó đi thì có gì phải bàn, cái đáng phải bàn là làm thế nào nó không được gáy mà vẫn sống kia. Người phản đối ý kiến đó đầu tiên là thằng Nam, chú giao liên mười bốn tuổi. Nó được ba má gửi lên rừng năm lên mười. Một chú bé gầy gò, lanh lợi và gan lì, không ai thương yêu con gà trống bằng nó, ý kiến của nó được mọi người đồng tình.

Bình thường, giết một con gà trống thì có gì đáng phải nói! Đằng này, lúc bấy giờ, một con gà trống ở rừng đối với chúng tôi là một vật hết sức quý. Muốn mua một con gà, phải xuống tận đồng bằng, đường sá xa xôi biết bao.

Và lại, con gà này đối với chúng tôi là một con gà đặc biệt, đầy kỷ niệm.

Cách đó ba năm, một đồng chí từ Đồng Tháp Mười về mang về một con gà, con gà mái tơ vàng. Ôi chao, một con gà! Nó như mang đến cho mọi người ở rừng cái cảnh sống của một gia đình. Lúc đó, có người bỗng chợt nhớ ra là mấy năm rồi mình chưa thấy được con gà nhà. Bao nhiêu năm chỉ thấy khi, dọc, cheo, chim chóc; nếu có thấy gà cũng chỉ thấy được con gà rừng thôi. Từ đó, mà mỗi người mỗi nhớ lại sân nhà, gốc mít, cây xoài, bên nước với dòng sông. Chúng tôi cứ vây lấy con gà của đồng bằng, người thì đưa tay bợ lấy cái lườn của nó nâng lên nâng xuống, người thì vuốt nó từ đầu đến đuôi, lông nó mềm mượt mượt, nghe êm mát cả bàn tay. Rồi cứ quanh nó, nhìn cái mỏ vàng của nó mổ đồm độp xuống nắm gạo ai cũng thấy vui. Nó không còn là của riêng một người, nó được mọi người chăm sóc cho ăn. Một đồng chí trong cơ quan vốn là thợ mộc, đóng cho nó một cái chuồng y như ngôi nhà sàn đồng bằng sông Cửu Long thu nhỏ lại, đẹp đẽ, xinh xinh. Không có bạn, nên nó cứ lẩn quẩn theo người, chỉ cần lục tục mấy tiếng, đưa tay rà là nó chạy tới.

Nó bắt đầu kêu ỏ đất mà không có gà trống, anh em gọi đùa là nàng công chúa cô đơn. Không có trống nhưng nàng công chúa cô đơn vẫn cứ đẻ. Chúng tôi lót cho nó một cái ổ. Cái ổ được đan bằng mây rất xinh, để ngay trong chuồng. Nó nhảy lên ổ, bới mấy cái, rồi lại nhảy xuống, lại nhảy lên mái nhà rồi lại nhảy xuống, lẩn quẩn theo chân người. Cuối cùng quỳnh quá, nó đẻ ngay trên một đồng công văn. Đẻ xong, nó cục tác. Thằng Nam giả tiếng gà cục tác đáp lại, được thể nó cục tác ầm ỹ. Không ai thấy khó chịu mà muốn nghe mãi tiếng cục tác của nó. Một cái trứng nho nhỏ màu hồng còn một vệt máu, nóng hôi hổi. Hôm ấy, có một cháu bé lên sáu vừa lên cơn sốt, anh em đề nghị biểu cho cháu bồi dưỡng. Thằng Nam tiếc lắm nhưng không dám phản đối, trứng gà so mà! Trưa hôm sau nó lại nhảy ổ, lại bươi. Chúng tôi cho nó vào ổ, nó lại bươi, rồi lại nhảy, mặt đỏ hừng hực. Tưởng như rờ đến mặt nó là phải bỏng. Phải có một cái trứng để trong ổ nó mới chịu đẻ. Biết vậy, nhưng cái trứng đã ăn mất rồi. Bỗng một người có sáng kiến lấy củ khoai lột vỏ, gọt cho nó tròn tròn hình quả trứng để vào ổ. Sau đó nó mới chịu đẻ đúng vào cái chỗ của nó.

Ngày này đến ngày khác, cứ mỗi ngày một trứng thật đều, đến cái trứng thứ hai mươi bảy, nó nằm luôn trong ổ, thấy người là nó xù lông, kêu ré lên. Trứng có trống đâu mà ấp hử công chúa cô đơn!. Bắt nó xuống, nó xù lông, nhìn người như nhìn kẻ thù. Anh em phải phun nước vào mặt nó mấy ngày liền, nó mới tỉnh..

Rồi cô đơn nhưng nó vẫn cứ đẻ. Đến lứa thứ hai, cái cảnh cô đơn của nó trông đến tội nghiệp. Nó khát khao được làm mẹ đến mức khiến cho anh em chúng tôi không thể làm ngơ. Nó đang đi, cái đít sà xuống, đang ăn hay đang đứng, khi có tiếng động của ai đó đi qua là hai cái chân nó quy xuống, lườn áp xuống đất, đuôi vênh lên, sẵn sàng với tư thế đón đợi một anh gà gáy để sau đó nó được ấp, được tục tặc với bầy con.

Phải kiếm cho nó một con gà trống, chúng tôi bàn với nhau, nhưng bàn là bàn vậy, biết mua ở đâu, bằng cách nào. Vả lại, chuyện cũng quá nhỏ, chột thấy chột nghĩ, rồi chột bàn qua vậy thôi. Nhưng có người không chột nghĩ chột bàn mà lo lắng thật sự. Đó là thằng Nam. Một mình chủ một chiếc xe đạp, một túi công văn, chủ rọt rẹt từ cơ quan này đến cơ quan khác, nhỏ nhưng biết nhiều, thấy nhiều. Chủ bảo cơ quan ở bên kia rừng có một con gà trống cồ. Chủ xin anh em cho chủ ẵm con mái vàng qua đó gởi.

Một tháng sau chủ ẵm nó về với mười bảy cái trứng. Con mái vàng đang ấp. Qua hai tuần, anh em ra thử, hai trứng bị thối, còn mười lăm trứng, trứng nào cũng lúc lắc trong thau nước. Ba tuần, nghe trong ổ có tiếng kêu rúc rích. Người nào cũng đến thăm. Ôi chao ôi, cái ngày mẹ nó xuống ở vui thiệt là vui hơn cả cái ngày nó ở đồng bằng mới về. Không ai bảo ai, mà cả cơ quan, người nào cũng có mặt, người nào cũng hớn hở. Cái sân dưới bóng cây rừng được quét sạch. Con mái vàng đi giữa một bầy con, coi dáng đi của nó bệ vệ, tự hào làm sao.

- Xinh quá!

- Đẹp quá!

Con kia nữa kia, đã chưa? Một bầy mười lăm con, nho nhỏ như một nắm bông, lông mịn như nhung. Thích thú nhất là những đứa nhỏ đẻ ở rừng, lần đầu tiên chúng mới thấy được một bầy gà con, đứa nào cũng đưa cái bàn tay nhỏ múp múp ra với lấy nó...

Nó lớn dần, mẹ nó sắp bỏ lúc trời vừa sa mưa. Qua những cơn mưa đầu mùa, đất ẩm, lá mục, có con bị cú rũ không kịp chữa, nó lây nhau, cứ rũ cả bầy trông thật thảm hại.

Anh em trong cơ quan xúm nhau trị cho chúng mỗi người một cách. Từ thuốc Nam đến thuốc Tây nào tởi, nào hành, nào rượu ngâm rít, rồi đến B1 pha đường, cho chúng uống cả kháng sinh cũng không chạy chữa nổi. Thằng Nam sang cơ quan bạn mời về cả anh kỹ sư chăn nuôi. Hôm ấy, anh em bắt được một con vọc, thằng Nam chạy đâu được một lít rượu để để dãi anh kỹ sư chăn nuôi. Mất một bữa rượu mà gà vẫn cứ toi. Rất lạ, những con khỏe mạnh nhất là những con trống, chưa đủ lông mà nó đã ra dáng lắm, ngang



ngang bướng bướng, thừa sức chẳng biết làm gì, đá nhau túi bụi và nó là những con chết trước nhất.

Ngày chết hai con, ngày chết ba bốn, năm bảy con không sao cứu vãn nổi, cuối cùng chỉ sót lại hai con; một con trống với một con mái. Được thử thách với bệnh hoạn, mưa gió không vật nổi nó nữa, con gà trống bắt đầu trở mã, nhỏ giò, ngứa cổ rồi cất tiếng gáy. Tiếng gáy chưa tròn, chưa trong cũng chưa gáy đủ bốn tiếng, cứ “khe khee khệ” nghe thật dễ thương. Thằng Nam đâm mê nó, đi vắng thì thôi mà hễ về đến cơ quan là ôm ấp, cho uống, cho ăn. Nó lại nhớ, kể lại cho chúng tôi ngày còn bé mặc dù bây giờ nó vẫn còn bé - ở làng thường bắt gà nhà rủ nhau đá - Nó kể duyên bé đáng say sưa.

Con gà trống của cơ quan đã hơn hai tuổi rồi. Nó đã thành một anh trống đứng đắn, mồng đỏ, lông ba sắc đuôi uốn cong với hai cái cựa dài - luôn luôn được thằng bé Nam lấy miếng chén chuốt nhọn, đáng khệnh khạng và tiếng gáy nghe sang sảng. Từ con mái tơ vàng của đồng bằng đưa về, cơ quan tôi đã có ba bầy gà giò với sáu con mái đẻ. Chỉ có một mình nó là gà trống. Vì cái lý lịch và cuộc đời nó gắn bó với chúng tôi đến như vậy, nên không ai nỡ giết nó. Nhưng bây giờ làm sao cho nó đừng gáy.

Ý kiến thứ nhất bị phản đối. Ý kiến thứ hai là buộc mỏ nó lại. Khi nào cho nó ăn thì mở ra. Ý kiến thứ ba là lấy chỉ may cái da cổ nó nhúm lại. Làm vậy cũng được, nhưng tội nghiệp nó quá. Ý kiến thứ tư là nhốt nó xuống hầm B.52 đây nắp lại, nó có gáy thì gáy ở dưới hầm chẳng ai nghe. Ý kiến này nghe có lý, nó có hơi tù túng một chút, nhưng so với việc nhốt trong bội trong chuồng, nó còn thông thả hơn nhiều, lại có lợi cả hai bề, nó sẽ tránh được mảnh bom mảnh pháo.

Sáng kiến đó mới thiệt là sáng kiến. Cuộc họp giải tán, thằng Nam chạy ngay xuống chuồng bắt con gà trống nhốt xuống hầm ngay dưới vồng của mình, đây nắp cẩn thận. Trong những ngày này, hoạt động của giặc ngày càng ráo riết. Xa xa đã có tiếng máy bay trực thăng, máy bay B.57 cắt dọc cắt ngang trên bầu trời của khu rừng. Đêm đêm có tiếng máy bay của T28 - L19 rà sát qua ngọn cây, hăm máy nghe lụp bụp, hạ sát xuống để quan sát rồi đột trắng, dọn bãi đổ quân. Một vài cơ quan lượm được máy nghe của nó thả xuống, phát hiện được dấu giày của biệt cách với biệt kích. Các cơ quan lại được cấp trên nhắc đến công tác bảo mật, nhất là tiếng động và nhắc đến tiếng gà gáy.

Con gà trống của chúng tôi bị nhốt dưới hầm B.52, tiếng gáy của nó có đánh tiếng cho bọn biệt cách biệt kích hay không, máy nghe của bọn Mỹ thả xuống có ghi được hay không, chẳng ai biết, chỉ biết là tiếng gáy của nó

khiến cho mọi người không thật yên tâm rằng mình chưa triệt để thi hành mệnh lệnh của cấp trên. Người không yên tâm nhất là thủ trưởng, thủ trưởng nhắc anh em bảo vệ:

- Nên coi lại con gà, tiếng gáy của nó cứ nghe sang sảng.

Đúng vậy thật! Để ý nó mà xem. Bây giờ trong cơ quan không ai gây ra một tiếng động nào lớn, không ca hát, radiô không mở to, sân bóng chuyền đã phủ kín lá ngụy trang, không ai la ó hay cười đùa, tuy bị nhốt dưới hầm, tiếng gáy của nó cứ vang lên và khi được mọi người để ý, tiếng gáy của nó dưới mặt đất lại nghe âm âm rền rền và vang xa. Bình thường, có khi nó gáy bên tai mình, mình cũng chẳng nghe thấy.

- Không ổn! Là mệnh lệnh chiến đấu phải triệt để thi hành - Cái ý kiến hấp rượ bảy phút là xong lại đặt ra. Có một vài người đồng tình nhưng số đông lại có ý kiến còn nước còn tát. Thằng Nam lại ẵm nó đưa lên khỏi hầm, rồi lấy kim chỉ may cái da cổ nó đùm nhịu lại. Bởi con gà trước khi gáy, cần cổ phải cất cong lên mới phát ra được tiếng gáy. Đằng này, cái da của nó bị đùm bị nhịu lại rồi, cái cần cổ của nó không sao cất lên được. Không thể gáy, nhưng nó vẫn được xòe một cánh để theo mấy con mái. Bồn phận của anh trống nó không quên. Nhưng nó không chịu biết thân, nó cứ đập cánh rướn cổ, cái cổ của nó cứ bị đùm da nhịu kéo cong xuống, như thể nó đang bị mắc xương, tiếng gáy của nó cũng bị kéo, trĩ xuống như tiếng ho của một lão già “kho... khoẹt”, nghe thật khô sở. Thằng Nam đứng nhìn nó, không chịu nổi, nó ôm con gà vào lòng, vuốt lên vuốt xuống.

“Xong trận cần rồi hãy gáy con ạ. Vội gì! Là gà nhưng cũng phải gáy cho đúng lúc, bây giờ thì tiếng gáy của con nó giết con đó”. Nghe thằng Nam nói chuyện với con gà, tôi thấy thương thương. Mọi người đều yên trí rằng con gà không thể gáy được nữa. Trận cần càng ngày càng đến gần. Báo động cấp hai. Một hôm gần sáng, con gà bỗng cất tiếng gáy oang oang.

Thằng Nam, tôi cùng với hai ba anh nghe, hoảng quá phải đổ xô ra chuồng, bịt mõ nó lại. Nó rướn mãi rướn mãi, chỉ không đứt mà đứt cả da cổ. Nó cất tiếng gáy mà máu chảy ròng ròng, ôm nó vào người, đưa tay bọ lấy cái cần cổ nó, nhìn máu đỏ cả tay mình, thằng Nam tắc lưỡi hít hà, như chính nó đang bị đau. Nhìn thằng Nam lấy dây thun quấn cái mõ của con gà trong ánh đèn lù mù, tôi thấy xót xa. Chiến tranh ác liệt đến nỗi con gà cũng không được cất tiếng gáy.

Báo động cấp ba. Cơ quan tôi được lệnh di chuyển, nhường khu rừng đó lại cho bộ đội lập trận chiến đấu. Chúng tôi di chuyển vào lúc nửa đêm, bỗng bị lên vai, cái gì có thể mang được mang tất cả gà mái, lẫn gà giò. Không

đợi đến phân công, thằng bé Nam cũng biết là mình phải lo giữ con gà trống. Cái bông đeo trên lưng, nó ôm con gà trống đứng cạnh tôi.

Nó nói nhỏ với tôi:

- Nè chú! Đem về rừng mới, cũng chưa chắc gì nó được gáy đâu. Có chuyện gì thì mấy chú hấp rượu nó thôi. Mình đi rồi, sợ gì lộ bí mật nữa! Cháu thả cho nó tự do nghe chú?

- Cháu muốn làm gì cháu làm.

- Không, chú phải ừ cháu mới dám.

- Ừ thì ừ.

Nó lại ôm con gà vào lòng, lại vuốt ve, nó kề miệng vào con gà thủ thủ “Đừng để bọn Mỹ nó thịt con nghe con. Nếu cơ quan không về thì con sống với gà rừng. Con phải tập bay, con sẽ làm chúa cái rừng này, nếu cơ quan trở về thì cơ quan mang cả bầy vợ con về cho con nghe hôn!”

Đêm tối, tôi không nhìn thấy rõ nó, chỉ thấy có hai con mắt nó nhỏ như hai hột đậu, mở tròn và sáng rực. Chẳng biết nó nói gì mà “cùng cực” trong cuống họng. Thằng Nam áp cái đầu nó vào má mình, rồi tung nó lên cao. Nó đập cánh, tìm chỗ đứng, nghe rột rạt trên tán cây rừng.

- Đi!

Lệnh từ phía trên chuyên xuống. Thằng Nam bước được một vài bước, ngoái đầu nhìn lên ngọn cây.

- Chắc nó đậu yên chỗ rồi hả chú?

- Ừ! Thôi, bám theo người đi trước, đừng để đứt quãng.

Sau trận càn, chúng tôi lại kéo nhau trở về.

Khu rừng chúng tôi là bãi chiến trường. Ban ngày mà không sao nhận ra những con đường mòn cũ nữa. Bãi bom B.52 làm mất cả phương hướng của chúng tôi. Phải đi vòng qua bãi bom. Vừa chợt nhận ra con đường trước mặt đã một thân cây đổ, nghẽn mất rồi. Bom đốt cháy cả những chòm cây mà mỗi lần bị lạc rừng chúng tôi nhìn nó để tìm ra phương hướng. Chúng tôi phải đi men theo dòng suối, mong tìm lại cái bến cũ khi chưa đào được giếng.

Men theo bờ suối, đi mãi, gần đến xế chiều mà cũng chưa tìm ra bến. Hố bom cũng nằm dài ra theo con suối. Cái bến cũ đang nằm sâu dưới hố bom cũng nên. Chúng tôi cứ tiếp tục, đang đi, thằng Nam bỗng reo lên:

- Có tiếng gà gáy!

Cả đoàn dừng lại, mệt mỏi quá, nên người nào mặt cũng sáng lên.

- Có thiệt không Nam? - Một người hỏi.

- Thiệt, cháu nghe rõ ràng mà.

- Im, nghe lại lần nữa coi nào.

Chúng tôi lắng nghe, nhưng chỉ có tiếng gió rừng và tiếng róc rách của con suối.

- Mày mơ chó gà đâu mà gáy. Thôi đi!

Vừa cất bước thì tôi chợt thấy một cái bếp đã chiến do chính tay tôi đào để hầm chân vọc lúc cơ quan mới đến. Tôi reo lên:

- Đây rồi, cái bếp, cái bếp.

- Đúng rồi! Cái cây cây kia kìa, đúng rồi.

Nhờ thằng Nam, thằng Nam nhờ cái tiếng gà gáy trong mơ mà chúng tôi dừng lại đúng cái bến của con suối. Thằng Nam lanh lợi hơn cả, như một con sóc, nó trèo qua một thân cây ngã, vệt đường.

Bước đến con đường mòn từ nhà bếp quanh co dẫn xuống con suối - này đã phủ đầy lá, chúng tôi đi dần vào chỗ ở cũ, mỗi bước mỗi thấy rõ những dấu vết của cơ quan: cây mắc võng, cái hồ tròn, cái nền nhà...

Thằng Nam đi trước, nó bỗng nhảy tung lên và la lên một tiếng vui mừng:

- Kìa con gà! Con gà kìa!

Trước mắt chúng tôi, trên sân bóng chày hình cái xác xe tăng bị một phát B.40, nó co rúm lại, thành một khối sắt đen sì. Và con gà, con gà trống đang đứng trên cái xác của cái kẻ không cho nó gáy giữa một khu rừng cháy. Con gà trống với bộ lông ba màu: sọc vàng, sọc đỏ, sọc xanh. Nó đứng đó, đường bệ và kiêu hãnh.

Thằng Nam bắt kê cái gì ở dưới chân, nó vừa bập bập vừa đưa bàn tay, chạy về phía đó. Nghe có tiếng động, con gà quay lại, nhận ra người, nó cất cái càn cổ nó lên, nó nhìn rồi nó vỗ cánh, hướng về chúng tôi, nó rướn cổ:

- Ó ó ó ó.

Tiếng gáy của nó nghe thật sượng tai, khiến tôi không còn thấy mình đang trở lại với khu rừng cháy sau trận đánh nữa, mà nghe nôn nao như đang trở về với tiếng gà gáy của làng xóm quê hương vậy.

- Ó ó ó ó!....

Tháng 05 - 1970

## Con Chim Quên Tiếng Hót

Bà nội tôi là kho chuyện đời xưa, mỗi đêm một chuyện cho đàn cháu nội, cháu ngoại, lũ nhỏ vây quanh bà trên bộ ván ngựa gỗ giữa nhà trong ánh sáng tù mù của ngọn đèn dầu.

Chuyện này không phải là chuyện đời xưa. Chuyện của nhà mình nhưng lúc đó bà còn trẻ, tụi con chưa có, vậy cũng là chuyện đời xưa phải không? Đêm ấy, bà kể:

Ông tôi có nuôi một con nhồng. Con nhồng đẹp lạ lắm. Nó như một cô công chúa khoác chiếc áo choàng đen, ấy là bộ lông mượt mà của nó, từ mí mắt kéo đến cổ nó là một đường vàng hình lưỡi câu. Viền quanh cổ là một đường màu trắng, như công chúa quần qua cổ chiếc khăn bằng lông cừu, mỏ vàng và đôi chân cũng vàng. Ông tôi vốn là một thợ mộc, cho nên cái lông của nó như một cái lâu đài. Con nhồng lúc nào cũng vui tươi, nhảy nhót trong chiếc lồng lồng lẫ treo trước hiên nhà. Vừa đẹp, lại vừa biết nói, nó là niềm vui của cả xóm, không chỉ cho trẻ con mà cho cả người lớn. Thấy có người thoáng qua, nó cất tiếng: “Chào khách”. Khi người dừng lại trước mặt nó, nó hỏi: “Khỏe không”. Ai hỏi gì thì nó dạ. Nó bắt chước giọng ông, nó gọi bà: “Em ơi, em”. Nó bắt chước giọng bà, nó gọi ông: “Anh ơi, anh”. Trong nhà đang nói chuyện, bỗng chợt nghe tiếng cười, nó cười: “Khắc khắc” y như giọng cười của ông. Thỉnh thoảng nó lại cất tiếng: “Thôi, thôi thôi” nghe như lời can gián thiết tha của một cô gái.

- Khách! - Ngồi trong nhà nghe nó nói, biết là có khách sắp vào nhà.

Người lớn hay trẻ nhỏ hàng xóm, mỗi lần đến chi với nó cũng cho nó một trái ớt. Thò mỏ gấp trái ớt, nó mừng nó nhảy.

Trong nhà ai cũng dạy nó tiếng nói lịch sự, lễ phép. Nhưng hình như bấy nhiêu tiếng đó, nghe hoài cũng nhàm, bớt vui. Chẳng biết đứa nhỏ nào cắc có dạy thêm cho nó vài tiếng chửi cục cằn: “Đồ đều, cút, cút đi”.

Ngày đầu, nghe những tiếng lạ lùng đó, bọn nhỏ vỗ tay và nó được nhiều ớt hơn mọi ngày.

Nhỏ vui đã đành, người lớn cũng vui... nghe nó chửi “đồ đều” người nghe không nghĩ là mình đều nên chẳng ai giận, nghe nó bảo “cút, cút” người ta không cút mà cười và lại thưởng cho nó ớt ngon hơn, nhiều hơn. Nó nói riết thành quen không ai để ý nó quên tiếng hót từ lúc nào.

Bỗng một hôm có một chiếc xe hơi đậu lại trước nhà. Quan huyện từ trong xe bước ra. Một người to lớn bệ vệ trong bộ đồ tây trắng, cà vạt đỏ, giày đen. Quan huyện đến để đặt ông đóng nhái bộ salon thời Louis. Đã là quan thì phải oai quyền, trước mặt ai không chào không hỏi.

Quan huyện vào tới cửa thì con nhồng cất tiếng:

- Đồ đều!

Quan huyện giật mình:

- Đồ đều! Đồ đều!

Thấy quan huyện không thương cho nó trái ót, nó lại cất tiếng:

- Đồ đều! Đồ đều!

Quan huyện trợn tròn hai con mắt. Ông tôi thấy vậy sợ hãi, vội cúi rạp mình rước quan vào. Ông liếc nhìn bà. Hiểu ý ông, bà vội rít mời quan ngồi, rót nước mời quan uống.

Đang chào đang hỏi khách, bà bỗng nghe bên ngoài có tiếng đánh “bốp” một cái. Bà bước ra, bà thấy con chim bị ông đập vào cây cột, nát đầu. Trên thân cột còn một đốm máu bê bết, còn con nhồng thì nằm dưới đất như một miếng giẻ rách đen. Chẳng biết ông sợ hay ông giận, bà chỉ nghe ông lầm bầm:

- Không! Nó bảo “cút đi” thì nhà này chỉ có chết.

Thương con nhồng, bà tôi quỳ xuống trước cái xác của nó. Chẳng biết lúc ấy bà tôi đau đớn thế nào, bây giờ trong ánh đèn dầu, tôi thấy hai giọt nước mắt của bà.

Con chim chết, hết chuyện, bọn tôi có đưa thò chân xuống đất, bà đưa tay kéo lại. Và sau câu chuyện bao giờ bà cũng rút lời răn dạy:

- Cho nên, biết thì nói, không biết thì đừng nói theo lời người khác, chết oan đó, các con!

Ngày 28/04/1991



## Con Mèo Của Foujita

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh nhà danh họa Foujita, người con của đất nước Phù Tang, những nhà chơi tranh, mua bán tranh trên thế giới đã nhào nhào chạy săn lùng tranh của Foujita. Dò theo bước đường phiêu lưu của ông, giới sành tranh biết rằng ở Việt Nam đang còn vài bức của ông. Từ Mỹ, từ Pháp, từ Úc, từ Canada... bằng thư hoặc bằng điện, họ gửi về những nhà mua bán tranh ở Việt Nam, bằng mọi giá phải tìm mua cho được tranh của Foujita, đặc biệt là tranh con mèo. Trên thế giới, họa sĩ nào cũng có một nét độc đáo, mang theo dấu ấn tài nghệ của mình. Nét độc đáo của Foujita là nét vẽ con mèo.

Tôi may mắn là người chứng kiến cuộc săn lùng này. Từ Sài Gòn có người bỏ tiền túi đi tàu tốc hành ra Hà Nội. Cao hơn và nhanh hơn, có người đi máy bay. Trong thành phố Sài Gòn thì những chiếc hon-da chạy như ma đuổi, họ đến các cửa hàng ở Đồng Khởi, vào các ngõ ngách của những nhà chơi tranh. Cuối cùng tất cả đều trở về với hai bàn tay không, lơ lảo, lắc đầu, gian nan hơn mò kim đáy biển.

- Vậy bức tranh con mèo của Foujita đang ở đâu?

- Đang nằm trong tay tao chứ ở đâu mậy?

Thằng bạn của tôi ngược mặt cười đắc thắng. Thằng Nam, Nguyễn Thành Nam, người có tiếng trong giới làm ăn đất Sài Gòn, nó cười từ dưới bụng cười lên, hai hàm răng há to. Thấy cũng chưa đã, nó thêm:

- Ai trồng khoai đất này? Mày có nhớ chuyến đi Hà Nội vừa rồi của ta không?

- Nhớ.

Mỗi lần Nam đi đâu xa, tôi cũng biết trước đôi ba ngày và trước khi đi bao giờ hai đứa cũng ngồi uống với nhau. Còn lần đó, Nam gõ cửa lúc tôi còn ngái ngủ.

- Có việc gì vậy Nam?

- Tao đi Hà Nội.

Tôi sững mặt:

- Đột xuất.

- Có vé chưa? - Tôi hỏi.

- Chưa. Nhưng lo gì. Nó có cất cánh thì tao cũng ngoắc nó trở lại rước.

- Cần tao đưa ra sân bay không?

- Khỏi. Xe đang đợi tao.

Mặc dầu chưa có vé, nó vẫn bay chuyến đầu tiên. Nó có cách của nó. Và tôi nghĩ, nếu con người không có tính cách như nó thì không thể nào thắng

được cuộc đua này.

Tôi với nó là bạn lâu đời. Năm 1948, sau ba năm kháng chiến chống Pháp, hai đứa gặp nhau trong một ngôi trường nằm ở mé rừng U Minh, bên những con kinh nước ngâu đỏ: trường bổ túc văn hóa dành cho thanh thiếu niên từng tham gia kháng chiến. Tình cờ hai đứa cùng quá giang xuống về đất U Minh.

- Ở đâu về? - Tôi hỏi.

- Bộ đội.

- Đi bộ đội được mấy tháng?

- Sao lại mấy tháng. Hai năm, từ bốn sáu.

- Năm nay bao nhiêu?

- Mười sáu.

- Ham vui dữ ha!

Nó trợn mắt:

- Ê! Sao lại ham vui! Yêu nước đảng hoàng.

- Lính văn phòng hay ra mặt trận?

Nó lại bực, nói như hét:

- Sao lại văn phòng?

Nó có mái tóc hơi gọn sóng, mắt sâu, mặt hơi vuông, tỏ là người gan góc, vàng trán cao, rắn chắc nhưng lại nhỏ con. Tôi nhìn khắp cả người nó, biết tôi không tin, nó bực:

- Thấy mày nhìn tao, tao biết mày không tin, không tin tao vác nỏ cây súng phải không?

- Ồ...

- Đúng là tao không vác nỏ cây súng.

- Bộ đội mà không vác nỏ cây súng thì làm gì?

- Còn hơn cầm súng.

Tôi trố mắt:

- Truyền tin của chỉ huy, làm liên lạc, biết chưa?

- Học xong lớp mấy rồi đi bộ đội?

- “Xéc-ti-fi-ca”.

- Ở trường học có khá không?

- Không bao giờ dưới hạng năm. Học “buộc”. Học có lương.

Biết nó đậu hạng cao trong kỳ thi này, tôi bắt đầu ngán nó. Hỏi ra thì hai đứa cùng đẻ năm Mùi. Vào trường, hai đứa ngồi chung bàn. Suốt hai năm, hai chiếc giường sát bên nhau, chia nhau từng miếng ăn, mặc cả quần áo của nhau, hiểu nhau từng chân tơ kẽ tóc, tưởng không rời nhau.

- Sao sáng hôm đó, mày không nói đi tìm tranh Foujita?

- Mèo rình chuột, tao thì rình mèo, nói sao được!

Rồi nó hào hứng kể lại với tôi:

- Tao bay ra Hà Nội bất thường như vậy, tất nhiên là phải giá cao. Tới Hà Nội, tao bao ngay một chiếc xe. Nên nhớ không phải là bao xe hơi đâu, tao thuê một chiếc xích lô, với giá cao gấp ba lần. Trước nhứt là gặp các đệ tử ngay trong buổi sáng hôm đó. Tao biết ngày xưa, trước khi Nhật đổ quân vào Đông Dương thì đã có người đi trước rồi. Người đi trước là ai? Tình báo gián điệp?

- Tất nhiên! Ngoài ta còn ai nữa? Văn hóa và thể thao. Trong số đó có nhà danh họa Foujita. Khi ông ta đến Hà Nội, tao đoán chắc không thể nào khác, ông ta phải chơi với một vài họa sĩ Hà Nội. Đúng boong như vậy. Foujita đã kết bạn với một họa sĩ. Đã là bạn bè, thì thể nào tranh của ông ta cũng còn đó. Đó là thắng lợi đầu tiên của tao.

Nam không tập kết ra Bắc, nhưng Nam biết và hiểu Hà Nội hơn tôi, mặc dù tôi ở Hà Nội đến mười hai năm.

Ngày trở về Sài Gòn, tôi nhớ nó, muốn tìm, nhưng chẳng biết nó còn sống hay chết, ở đâu.

Bất ngờ nó đến nhà tôi vào một buổi chiều mưa. Từ năm 1954 đến năm 1975, hai mươi một năm, tuổi hơn bốn mươi, hai thẳng tóc đã điểm bạc. Chúng tôi “a” lên một tiếng rồi ôm chầm lấy nhau.

- Mày còn sống? - Tôi hỏi.

- Cũng tưởng là chết. Cũng tưởng mày chôn vùi đâu đó trên chiến trường. Chuyện dài lắm. Tao biết mày quá bận rộn việc nhà và đang “truy lùng kỷ niệm” phải không?

- Mày đi guốc trong bụng tao.

Đứng ngay trước cửa, chưa kịp vào nhà, mái tóc dợn sóng của nó rũ dài xuống qua cơn mưa.

- Tao trước sao, giờ vẫn vậy. Nếu không có sự trục trặc và cần mày thì bữa nay tao chưa tới. Trước là nhờ, sau mới thăm.

Tôi cảm động trước sự chân thật của nó.

- Vào nhà đi rồi nói.

Vào nhà, nó vẫn không cởi áo mưa.

- Tao bây giờ là phó thường dân Nam Bộ. Còn mày vừa là dân tập kết vừa là dân ở R về, mày có thể hơn tao. Tao sắp có một chuyến đi, nhưng phùng khóm, chẳng mấy người biết tao. Thấy nhà tao giàu - ê tao giàu lắm nghe - họ nghi tao là nguy. Tao khai lý lịch, trước là Vệ quốc đoàn, từ năm

1950 đến trước ngày tập kết, tao là cán bộ của Phòng tham mưu phân khu miền Tây Nam bộ, họ không tin. Tao lại sơ ý, tao viết tắt P.L.K.M.T. - cắt nghĩa thế nào họ cũng không hiểu. Tao nghĩ phải dè tao đi tập kết như mày! Mà mày biết tại sao không đi tập kết hay không?

- Lúc đó lu bu quá, tao phải đón gia đình. Ra Bắc tao có tìm mày, sau mới biết mày ở lại. Tao thắc mắc hoài không hiểu tại sao.

- Có mẹ gì đâu. Tao cũng muốn đi, nhưng tao lỡ hứa hôn với một con nhỏ. Tao xin cho nó đi, nhưng nó không đủ tiêu chuẩn. Tao cũng không đủ tiêu chuẩn cho vợ cùng đi. Mày nhớ không, lúc đó, cấp tiểu đoàn trưởng, tức là cấp đại úy bây giờ mới có tiêu chuẩn, còn tao, tao là thằng lính quèn.

- Bây giờ vợ con ra sao?

- Thôi đừng hỏi. Tất nhiên, sau đó, tụi tao làm đám cưới, hai đứa kéo nhau về Sài Gòn. Có một đứa con, tao bị bắt. Sau năm năm ra tù bả đi với thằng khác. Trái đất như sụp dưới chân tao. Tao độc thân cho đến bây giờ, nhưng đừng thương hại tao. Thằng có vợ chỉ biết một người đàn bà, còn thằng độc thân như tao thì không biết bao nhiêu là đàn bà. Chuyện này tao có lỗi với Cách Mạng... ha... ha! - Nó bỗng cất giọng cười, cười mà nghe chua xót. Tôi nhận ra nỗi buồn trong đôi mắt của nó. Mắt đang sáng rực bỗng như có đám mây che. - Từ đó tao mới ngẫm ra một điều: tình yêu! Một trăm người đàn bà mà mình không yêu, mày ạ! Nhưng thôi - Vừa nói, Nam vừa móc trong túi áo bản lý lịch - Mày xác nhận cho tao, mai lấy mộc cơ quan đóng vô, được hôn?

- Đâu có gì khó.

- Thôi, bữa khác nói chuyện nhiều, bây giờ tao phải đi.

- Mày đi bằng gì, máy bay?

- Không! Máy bay bây giờ chưa bán vé, phải đi bằng giấy giới thiệu. Tao thì ai giới thiệu, tao đi bằng xe hơi.

- Xe đồ?

- Đâu. Xe của tao. Và tao lái. Mày tưởng tao không có xe hơi, tao không biết lái à?

- Mày lái từ đây ra Bắc?

- Đồ cơm sườn. Thôi tao về - Nó đứng dậy, không ra về ngay mà nói tiếp:

- Mày biết lúc hai vợ chồng tao về Sài Gòn tao sống như thế nào không. Ở đậu trong một cái chuồng heo ở Xóm Củi cái chuồng heo nghĩa địa. Tao thuê cái chuồng heo cũ, rồi đắp nên làm vách, lợp mái, kê vài miếng ván chó không có được một cái giường. Mày có tưởng nổi, nhỏ con như tao mà khi nằm, hai cái chân cũng thò ra ngoài vách. Nhiều lúc nghĩ đến những thằng

tập kết như túi mây mà phát ghen. Có một đêm mưa đầu mùa phân heo lâu đời dưới cái nền đất bốc dậy lên muốn bể đầu. Tao bật ngồi dậy. “Đ.má nó, tao phải làm giàu!” Coi như đó là lời tuyên ngôn của tao. Tao sẽ trả thù cái xã hội Sài Gòn này không phải bằng súng đạn mà bằng đồng tiền. Nghe tao hét, vợ tao giật mình ôm lấy hai vai tao: “Thôi anh đừng mơ. Cái thân người kháng chiến ở đất này, trước hết là phải biết trốn anh à. Như vậy cũng được rồi!” Lúc đó tao chợt nghĩ “túp lều tranh với hai quả tim vàng” chỉ có giá trị trong thơ mà thôi mà ạ! Thôi chuyện còn dài lắm, đi Hà Nội về sẽ kể tiếp...

Chuyến đó, từ Hà Nội về, nó đến tôi, mặt mày rạng rỡ:

- Tao có một cái tánh xấu không sửa được là hay chơi trội! Mày có biết bài hát Nổi vòng tay lớn của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn không? Từ Bắc vô Nam... Ông ta mơ, ông ta hát, còn tao thì đi trước. Chỉ nghĩ đến vậy là tao đủ thấy sướng rồi.

- Thấy miền Bắc ra sao?

- Tuyệt! Đẹp, đẹp, đẹp không bút mực nào tả nổi. Đúng là đất cội nguồn của dân tộc. Tao nghĩ là tao đi chơi cho thỏa chí, không ngờ lại có lời, lời to, to hơn cả một chuyến buồn...

Đúng là thời vận mây ạ! Trên đường ngao du, tao dừng xe ghé vào trụ sở của một cơ quan để hỏi thăm đường. Bất ngờ tao thấy ba cái lọ lục bình thời Khang Hy để trên một cái tủ. Ba cái lọ như hút hết tâm trí tao. Nhìn cái màu men, tao biết cái màu này đã thắng cả thời gian. Tao hỏi thăm, không ngờ ông thủ trưởng cơ quan bảo với tao:

- Anh hỏi cái của nợ ấy làm gì?

- Sao là của nợ? - Tao ngạc nhiên, hỏi lại.

- Có gì đâu, lúc Mỹ đánh bom, trên cho mấy cái bình sơ tán về đây. Hòa bình lập lại, chúng tôi có gởi công văn xin trả mà mãi đến nay họ chả nói gì. Không phải của nợ thì là cái gì. Ô, ông đi chiếc xe đẹp quá. Xe nước nào vậy

- Ông thủ trưởng chợt nhìn ra sân thấy chiếc xe của mình, bèn tấm tắc.

- Xe của Nhật.

- Thế đấy. Cho tôi xem qua một chút nhé.

- Dạ được. Hay là tôi chở ông đi chơi một vòng.

- Thế thì còn gì bằng.

Miền Bắc đang hè, nóng như lửa táp - Xe có máy lạnh, khi ông bước vào xe, ông kêu “Sao mát thế ông? Mát như trời lập đông, thích thật...”.

Đưa ông ta bon bon trên đường cái, tao hỏi:

- Đồng chí có thích xe này không? Nếu đồng chí thích thì tôi để xe này cho đồng chí, còn tôi, tôi xin lấy ba cái bình gốm của đồng chí.

- Ông đổi chiếc này với ba cái của nợ ấy à?

- Vâng!

- Đùa hay thật đấy đồng chí miền Nam?

- Ai lại đùa với đồng chí thủ trưởng.

- A! Hay đấy nhỉ? Được! Đêm nay đồng chí nghỉ đâu?

- Tôi muốn nghỉ ở khách sạn.

- Khách sạn làm gì, về nhà khách chúng tôi mà nghỉ. Sáng mai họp cơ quan, tôi lấy ý kiến tập thể.

- Đồng chí không quyết được à!

- Sao lại không, nhưng tôi muốn tập thể cũng chịu trách nhiệm.

Tao phạt phòng suốt cả đêm, cứ mơ ba cái lục bình thời Khang Hy.

Sáng hôm sau, chẳng biết ông họp vào lúc nào, mình đang còn nằm trên giường, bỗng nghe tiếng gõ cửa, tiếng gõ cửa dồn dập hồi hải. Tao vừa bước chân xuống giường, cửa đã bật ra. Ông ta vừa thò đầu vào cửa đã reo:

- Nhất trí trăm phần trăm đồng chí ạ!

Thế là tao để chiếc xe lại, tao bay về.

- Mày khiêng ba cái lục bình ấy về!

- Đờn nào tao chịu vất vả như vậy. Tao nhờ một nhân viên của ông ta đóng thùng, rồi nhờ cả người của ông ta áp tải bằng tàu biển vào tận bến. Mọi sở hụi tao chịu hết. Cậu nhân viên của ông được vào Sài Gòn, không phải tốn một đồng xu, cậu ta mừng hết lớn. Tao đã về cả tuần nay rồi, nhưng chưa đến mày là vì ba cái lục bình.

- Tới chưa?

- Rồi, hồi chiều qua. Tao đền ơn đáp nghĩa cậu nhân viên áp tải đó bằng một bữa tiệc ở khách sạn. Thật tội nghiệp. Cậu ta không hiểu mình đang ở đâu nữa. Khi cậu ta vừa xong chén cơm thì cô phục vụ mặt mày son phấn, dầu thơm sức nức, chực một bên, hai tay nâng lấy cái chén, xúc cơm cho người ta. Mày biết cậu ta cảm tưởng sao không? - “Bữa nay em như là vua bác ạ!”.

- Ba cái lục bình so với giá trị chiếc xe hơi của mày thế nào?

- Giá trị phải bằng năm chiếc xe của tao. Nó lại còn lờ ở chỗ này. Nếu tao mang xe về, phường khóm sẽ dòm ngó, bị quy là tư sản, muốn yên thân thì phải hiến. Còn ba cái lục bình đó, họ coi là ba cái bình bằng đất... Đó, chuyển đi đầu tiên của tao ra Hà Nội là vậy.

- Mày biết xem đồ cổ?

- Ở cái đất Sài Gòn này, tao không dám xưng là sư, nhưng dám nói là bậc thầy.



Tôi đưa tên một nhà nghiên cứu, tác giả nhiều quyển sách viết về đồ cổ nổi tiếng ở đất Sài Gòn hỏi nó:

- Mày với ông ta, ai hơn ai?

- Khó nói, cũng không nên so sánh. Rất khác nhau. Đứng trước một món đồ cổ nào đó, ông ta nghiên cứu rồi ông ta viết. Nếu ông ta nhìn sai, viết sai, ông ta chẳng mất gì, có thể đính chính được. Còn tao, tao ấy à, khi tao nhìn nó là tao phải mua và phải bán. Nếu tao đánh giá sai, tao sẽ mất, mày nhớ là mất không nhỏ đâu. Trí tuệ của ông ta để ra chữ, còn trí tuệ của tao thì để ra tiền.

- Mày học nghề này từ lúc nào?

- Chẳng qua trường lớp nào. Kể cũng dài. Lúc tao vào tù. Ờ, mày biết tao bị bắt không?

- Sao?

- Nhớ thằng Điền ngồi dưới tao với mày một bàn chưa? Nhớ hả? Nó bị bắt, chịu không nổi, nó khai tao. Tụi nó bắt cũng lạ. Tao đi trên vỉa hè. Suốt mấy năm đầu ở Sài Gòn, tao toàn đi bộ. Đi bộ để nhìn đời sống, để hiểu nhu cầu của người dân. Nhờ đó mà tao phát.

- Phát như thế nào?

- Chuyện bị bắt kể sau, còn chuyện đi bộ, có chuyện như vậy. Một hôm tao ra chợ Cầu Ông Lãnh mua một con cá lóc để kho tiêu cho vợ. Bả vừa mới sanh thằng con trai. Con cá lóc gần hai ký, bằng cái bắp chuối của tao. Xỏ sợi dây lác qua mang cá, tao xách toòng teng. Lăn quần thể nào, tao tạt vô chỗ bán cá lia thia. Người chơi cá cứ dục đầu vào cái keo con cá xiêm. Con cá Xiêm xoè cánh rực rỡ. Tao nghe người ta trả giá mà hết hồn: Bảy chục, rồi tám chục, chín chục. Thằng cha bán cá vừa đưa tay chém xuống một cách dứt khoát: “Một trăm! Không bớt một đồng xu”. Con cá lóc trong tay tao, lớn bằng bắp chuối, chỉ có hơn hai đồng. Còn con cá lia thia này lớn không bằng ngón tay cái mà một trăm đồng. A ha! Hóa ra là đồ chơi mắc hơn đồ ăn. Tao bỗng như bừng tỉnh. Muốn làm giàu phải bán đồ chơi chứ không bán đồ ăn mày à! Nói rộng ra là phải lăn lộn trong thị trường văn hóa. Sản phẩm văn hóa là những món hàng vô giá. Từ đó tao nghĩ đến sách, đến tranh, đến đồ cổ... Sau đó, tao làm đầu nậu phát hành sách. Sách gì có lời nhứt mày hiểu không? Sách cho trẻ con. Móc túi trẻ con dễ hơn móc túi người lớn. Tao bắt đầu khá lên từ đó, rồi tao thuê nhà ngoài mặt tiền. Tao như người tìm được cái đầu mối của đời sống xô bồ của đô thị Sài Gòn. Cứ vậy mà phẳng, phát lên chẳng mấy hồi.

- Trở lại vụ bị bắt đi.

- Ờ... Tao đi.. Có hai thằng mang kiếng đen cứ kè kè theo. Tao đâm nghi, định lách nhưng chưa tìm được một hẻm nào. Bỗng một thằng gõ lên vai tao bằng hai ngón tay. Quay lại tao đã thấy nó đưa cái thẻ Tổng nha cảnh sát. Cái thẻ nằm trong lòng tay nó, kiểu như nó chào mình. Nó bắt tao nhẹ nhàng lịch sự như vậy. Rồi nó vẫy gọi tắc xi. Tức mình không biết nói gì, tao bảo: “Nè, thằng nào kêu tắc-xi, thằng đó trả tiền nghe”. Nó nhìn tao, bạnh môi, cười rất đều.

- Tôi bị tội gì? - Lên xe, tao hỏi.

- Ờ trống, anh em đồng chí của anh đông lắm. Hôm qua mấy chả hợp chi bộ, thiếu anh, có người nhờ tôi đi tìm.

Vậy là mình bị khai. Vào tù gặp thằng Điền, chính nó khai tao. Nó bảo như vậy mày nghe có được không? “Để mày ở ngoài tao sợ mày hư”. “Tao hư hồi nào?” “Sắp làm tư bản mà không hư à? Vào đây để mà rèn luyện. Nhà tù là trường đại học của Cách mạng, mày quên à?”. Giận mà phát tức cười.

Vào tù, không ngờ gặp ông thầy dạy chữ nho, tao bắt đầu học tiếp. Đây mày coi.

Nó đưa ngón tay trở cho tôi xem.

- Ốc tay của tao nhăn lì hết rồi. Mỗi lần học là mỗi lần tao liếm ngón tay này viết xuống nền xi-măng của nhà tù. Tao học gần hết chữ của ông thì tao ra tù. Từ đó thấy chỗ nào có chữ Hán là tao đọc. Tao đọc chữ Hán trên các đồ cổ. Tao đọc tiểu thuyết của Quỳnh Dao, của Kim Dung qua chữ Hán. Thấy ăn, và cũng phải nói là tao thấy vô hại, tao vừa tổ chức dịch, vừa in, vừa phát hành. Sau, tao mua nhà in và vân vân... Người ta có tiền người ta mua vàng. ở đất Sài Gòn này ngày trước, giới mua vàng là giới không biết làm ăn, là giới nhà giáo, giới công chức. Nếu tiền của tao mà để mua vàng thì hôm nay, vàng của tao phải cao bằng cái cột đèn ở ngoài đường. Lịch sử sang trang, những thằng như tao bị phá sản, còn giới mua vàng giữ làm của thì bây giờ lại phây phây.

Ngoài những chuyện Nam kể với tôi, tôi còn biết về Nam khỏi chuyện do bạn bè kể lại. Giới làm ăn ở đất Sài Gòn cũ nhắc đến tên Nam vừa ganh vừa phục. Trước năm 1975, Chợ Lớn có một phòng tranh cổ Trung Quốc, gồm những họa sĩ nổi tiếng của Trung Quốc như Từ Bi Hồng, Tề Bạch Thạch, Nhiệm Bá Niên, Cao Kỳ Bội, Văn Trung Minh, Mẫn Thọ Bình...

Những bức tranh thủy mặc, non nước hữu tình, những bức tranh vẽ khỉ, vẽ ngựa, vẽ chim, vẽ cá, tôm... Giá tranh quá cao, không ai với tới. Đến ngày đóng cửa, tưởng không bán được bức nào thì Nam xuất hiện. Tự mình lái chiếc To-yo-ta, Nam dừng lại trước cửa, ăn mặc xềnh xoàng, quần tay xám,

áo sơ-mi trắng, không áo vét, không cà-vạt. Liếc qua giá cả, tính toán một lúc, sau cùng Nam gọi chủ phòng tranh tới, khoát một vòng tay:

- Tôi lấy hết.

Chủ phòng tranh tưởng mình nghe nhầm, miệng há hốc:

- Ha! Cái gì ha!

- Tôi mua hết, rõ chưa? Gói lại đem lại nhà tôi, rồi ra nhà băng lấy tiền.

Phòng tranh dọn sạch ngay ngày hôm ấy. Có người cho Nam là gàn, có người bảo anh điên.

- Tao không điên, cũng không gàn. Theo dõi tình hình chiến sự, tao thấy Mỹ đã rút rồi, tao chắc mâm ngụy sẽ nhào. Nó nhào, tao hỏi mày, đồng tiền của nó để làm gì? Cho nên, làm kinh tế không tách rời chính trị là vậy, mày rõ chưa nà!

Sau này, những bức tranh của Nam đối với người đi nước ngoài bỗng trở nên quý hiếm đến kỳ lạ. Có bức người ta trả đến mười, mười hai cây vàng, mà cái vốn của Nam chỉ trên dưới một cây.

- Người ta dám mua, trước nhất là nó quý, cái giá trị của nghệ thuật không có giá nhứt định, là cái giá tùy thời, tùy tâm. Cái gì mà thích rồi, bao nhiêu mà chả được. Thứ hai, nếu người ta đi mang vàng đi hoặc không lọt, hoặc không tiện. Còn một bức tranh, chỉ cuộn lại một cuộn, cầm tay, thật nhẹ nhàng. Nếu nhà chức trách có để ý, có hỏi thì bảo là kỷ niệm của ông bà. Bức tranh ấy đem ra ngoài, nếu gặp thời, họ sẽ bán gấp đôi gấp ba. Có lời đó, nhưng không phải bức nào tao cũng bán. Mày biết tao, tao là thằng vừa mua bán tranh lại vừa mê tranh. Bán đi một bức là lòng tao bị mất đi một cái gì đó rất đau. Tao cứ nhớ, cứ tương tư...

Trở lại bức tranh con mèo của Foujita, tôi hỏi:

- Sao mày thích bức tranh con mèo của Foujita?

- Người không biết Foujita thì phải loại ra danh sách người chơi tranh. Một cái núi cao của phương Đông. Tao biết Foujita từ lâu nhưng chuyên đi vừa rồi, kể cũng tình cờ. Tên ông ta là Foujita Tsuguhara, tên thánh là Lê-ô-na. Sinh năm 1886 tại Tô-ky-ô, mất ở Duy-rích- Thụy Sĩ năm 1968, vừa là họa sĩ vừa điêu khắc gia Pháp gốc Nhật. Thành công và nổi danh tại Pa-ri từ năm 1915 với đường lối nghệ thuật vừa hiện thực vừa bay bổng thơ ca. Ông kết hợp hai phương pháp ấy một cách nhuần nhuyễn và tài tình. Người ta gọi ông là Pi-cát-xô của phương Đông. Nè, tao nói đây là nói theo tự điển La-rút đấy nhá! Năm 1941, Foujita sang Đông Dương, mở một phòng triển lãm tranh tại Hà Nội cùng với nhiều họa sĩ Nhật. Cuộc triển lãm đó có in ca-tơ-lô nhỏ để tặng cho khán giả. Là ông ghi tên trước cái dấu ấn 1 đồng bạc tiền

Đông Dương, bìa sau của ca-tơ-lô ông vẽ hình một con mèo bằng bút máy. Bìa ngoài ca-tơ-lô có in hình một con mèo nhiều màu của ông, bức đó nằm trong bảo tàng của Nhật. Với con mèo, người ta thường nói “Trong như mắt mèo...” thể hiện cái chất trong của mắt mèo qua nhiều trạng thái bằng chất liệu thủy mặc, trên thế gian này chẳng có mấy ai? Do đó mà cho đến ngày giờ này, ngôi vị vua vẽ mèo không họa sĩ nào thay được.

- Sao không vẽ con gì dễ thương hơn mà vẽ con mèo?

- Đó chính là ẩn số, là bí quyết của tâm hồn người nghệ sĩ. Tao cũng đã tự hỏi như vậy. Trong số thú vật nuôi trong nhà, so với con chó thì nó không dễ thương bằng. Với con chó, mình đi đâu về, nó mừng, còn con mèo thì nó đứng đưng. Và nó còn có nhiều cái đáng ghét nữa. Đến mùa động dục của nó, nó cứ gào cứ ré lên trên mái nhà, đuổi bắt nhau, gầm gừ cầu xé giành gái, rồi kêu rú lên nghe lạnh đến xương sống, gây náo động cả xóm. Nhưng khi rình mồi thì nó nhẹ như cái bóng, nó như nhà y-ô-ga đã luyện đến mức thâm hậu, nó nén cả hơi thở, nó dồn hết tinh lực vào bên trong, để cho con mồi tưởng như trên đời này không có cái loài gọi là mèo, rồi bất thần nó phóng tới. Con mồi không kịp phản ứng, hồn vía như rời khỏi xác. Bắt được mồi rồi, nó chưa vội ăn, nó còn vờn, còn giỡn, thả rồi bắt, bắt rồi thả, nó vui trước sự sợ hãi của con mồi. Aác! Nhưng con mèo của Foujita thì rất dễ thương. Ông đã vẽ nhiều con mèo chơi giỡn với nhau, chơi giỡn với đồ vật, rất dễ thương. Dễ thương đến nỗi, con mèo đâu mà chẳng có, thế mà cái giới sành tranh cả năm châu đều nháo nhác đi tìm mèo của Foujita.

Có lẽ hồn nghệ sĩ của ông có sức làm mờ, làm mất đi cái xấu, cái ác của mèo, và ông chỉ thấy cái đẹp và nâng cao cái đẹp ấy, đó chính là tâm hồn của ông. Tâm hồn của người họa sĩ là tâm hồn của dân tộc. Tâm hồn của Foujita là tâm hồn của phương Đông trong ngòi bút tài hoa của ông. Từ đó, đôi lúc tao nghĩ, hình như người nghệ sĩ không chấp nhận cái xấu. Mà cái xấu và cái đẹp lại song song tồn tại với con người. Và đó là bi kịch của người nghệ sĩ?

Chính vì con mèo của ông mà tao đi Hà Nội, sau khi đài BBC báo cho biết năm nay là năm kỷ niệm trăm năm ngày sinh của ông. Ra Hà Nội tao tìm ngay nhà của một họa sĩ mà ngày xưa đã kết bạn với Foujita, ông đã mất, chỉ còn con cháu. Tao nhờ một đệ tử đưa đến chơi, không ngờ người con cả của họa sĩ biết tao. Thế mới chết!

- Người ta biết mình là may, sao lại chết?

- Vậy là mày chưa hiểu. Người ta thường biết tao là biết ở điểm này: tao là thằng giàu, mua cái gì cũng cao, bán món gì cũng cao. Món nào tao hỏi mua có nghĩa là món đó là đồ quý. Biết vậy tao phải đánh lạc hướng. Tao nói:

- Bữa nay nhân tiện ở Sài Gòn ra chơi, tôi muốn kiếm ít món đồ cổ nhỏ nhỏ như chén đĩa, ấm trà làm kỷ niệm.

Chủ nhà:

- Hầu hống đồ nhả em không có, chỉ có vài bức tranh.

- Về tranh thì tôi dốt, người tài bao nhiêu thì tranh của họ khó hiểu bấy nhiêu.

- Tranh nhả này là tranh của bậc tài danh nhưng không khó hiểu.

Tao lại đánh trống lảng:

- Cậu biết đâu có chén đĩa cổ thì chỉ giùm.

- Nếu bác muốn tranh thì em đưa bác đi. Còn món ấy thì em chịu.

Tao làm bộ đứng dậy ra về rồi quay lại chột nói:

- Về Sài Gòn, tôi sẽ giới thiệu người chơi tranh với anh.

- Được thế thì tốt quá.

- Cho tôi xem qua để tôi biết mà giới thiệu.

- Vâng, vâng ạ!

Anh chủ nhà mừng rồi rít. Nhìn ba bức tranh của Foujita trải ra trên chiếc giường ngủ, tao muốn đứng tim. Đúng là tranh của Foujita rồi. Một bức thiếu nữ Hà Nội, một bức cô con gái người Âu, bức thứ ba, đúng là bức các nhà chơi tranh thế giới đang săn lùng, bức con mèo. Tao xem một cách thờ ơ, cũng không hỏi giá cả.

- Sao không để làm kỷ niệm mà bán? - Tao hỏi.

- Chúng em đang cần tiền để chữa nhả bác ạ. Nhả phải lên tầng mới đủ chỗ nằm.

Tao không nói gì thêm, không hứa hẹn điều gì. Sáng hôm sau, tao tức tốc bay về Sài Gòn. Tao chọn một cô gái vốn là đệ tử của tao, một cô gái không diêm dúa, không sang nhưng cũng không quê mùa, nhìn qua thấy là một người biết làm ăn, không lanh lẹ, chân thật nhưng không khờ. Nữ đệ tử tao bay ra Hà Nội ngay ngày hôm sau và đến nơi ngay trong buổi sáng.

Vào nhả, sau vài lời chào hỏi, cô nhìn lướt qua mấy bức tranh treo ở nhả ngoài cũng của Nhật nhưng là những phiên bản và cũng tầm thường: cô gái Nhật trong trà thất, cô gái Nhật cầm cây đàn. Cô hỏi mua, mua với giá gấp đôi của chủ. Bán được mấy bức tranh vớ vẩn với giá hời, cả nhả đều vui vẻ. Vậy là cả nhả sẵn sàng cho cô xem những bức tranh quý của Foujita. Người bán thì tán, người mua thì chê, sau một hồi ngã giá, cô lấy hết cả ba với giá một cây rưỡi.

Đời tao có bao giờ ra sân bay đón ai đâu. Thế mà tao đã ra tận sân bay đón ba bức tranh của Foujita. Tính ra, kể cả sở hụi đi về và ăn ở, ba bức của

Foujita chỉ có hai cây. Tao sướng cả đời! Mày đến tao tối nay.

Nhìn bức tranh cô gái Hà Nội của Foujita, tôi bỗng nhớ lại những gương mặt các cô Hà Nội mà tôi quen hoặc tình cờ gặp trên những con đường thơ mộng trong tiết thu. Tôi giật mình trước đôi mắt của cô gái người Âu, đôi mắt như đang nhìn tôi, đôi mắt như gặp tôi lần đầu, đôi mắt như muốn dò hiểu tâm hồn tôi. Lạ thay, từ đó, tôi nhớ đôi mắt qua nét vẽ của Foujita hơn đôi mắt thực của người đời. Và bức thứ ba: con mèo. Con mèo với thể đứng đang nhìn lại. Tôi như nghe tiếng “meo” từ trong nét vẽ của cái thể đứng con mèo. Đôi mắt của con mèo vừa trong, vừa xanh, vừa lung linh. Đôi mắt lim dim như đang nghĩ ngợi đến điều gì sâu xa lắm và bộ râu của nó như nhúc nhích với đôi môi chúm chím như cười...

- Có đã không?

Tôi gật đầu.

Chừng vài tháng sau, những nhà sưu tranh của Foujita rồi cũng biết người chủ của những bức tranh quý ấy bây giờ là ai.

Một hôm, người bạn họa sĩ nổi tiếng ở đất Sài Gòn vốn cũng quen với tôi, đến tìm tôi:

- Nghe nói anh quen với anh Nam?

- Bạn học từ nhỏ.

- Vậy là may cho tôi.

- Sao?

- Tôi nghe nói ông Nam có mấy bức tranh của Foujita?

- Có, tôi có xem.

- Vậy là đúng rồi. Tôi muốn nhờ anh giới thiệu tôi với ông Nam.

- Để xem tranh?

- Không. Một người bạn ở Pháp có gửi thư về nhờ tôi tìm mua cho một bức.

- Thì cứ đến thẳng ông ta.

- Không được, tánh ông ấy tôi biết. Nếu không có người báo trước, ông ta hoặc không tiếp, hoặc lắc đầu bảo ông không biết ông Foujita là ông nào...

Tôi đã giúp người họa sĩ mua tranh này gặp Nam. Nam bán bức tranh thiếu nữ Hà Nội với giá hai cây. Còn bức cô gái người Âu, Nam gửi ra nước ngoài, nghe nói để bán đấu giá. Còn bức con mèo, Nam vẫn giữ lại. Một hôm, Nam đến tôi:

- Đêm qua tao nằm mơ một giấc mơ rất kỳ lạ. Có lẽ uống rượu nhiều quá. Tao mơ thấy con mèo của Foujita từ trong tranh vọt ra. Tao giật mình choàng dậy. Đúng là con mèo vừa vọt ra cửa sổ. Tưởng là nó thật.



Hốt hoảng, tao bật đèn, mở tủ. Bức tranh vẫn còn, tao vội vàng trải ra.  
Con mèo bỗng hóa ra Foujita-Foujita chúm chím nhìn tao: cười.

## Bài Học Tuổi Thơ

Thằng con tôi 11 tuổi, học lớp sáu. Qua mùa thi chuyển cấp, nhân một buổi chiều cho con đi chơi mát, nó kể... Đang hỏi nó về chuyện thi cử, nó chợt hỏi lại tôi:

- Ba! Có bao giờ ba thấy có một bài luận văn nào không điểm không ba? Con số không cô cho bự bằng quả trứng gà. Không phải cho bên lẻ, mà một vòng tròn giữa trang giấy. Thiệt đó ba. Chuyện ngay trong lớp của con, chứ không phải con nghe kể đâu.

Tôi chưa kịp hỏi, nó tiếp:

- Còn thua ba nữa đó, ba. Ít nhất ba cũng được nửa điểm. Còn thằng bạn con, con số không bự như quả trứng.

Thằng con tôi ngửa mặt cười, có lẽ nó thấy thú vị vì thời học trò của ba nó ít nhất cũng hơn được một đứa. Số là cách đây vài năm, có một nhà xuất bản gửi đến các nhà văn nhà thơ quen biết trong cả nước một câu hỏi, tôi còn nhớ đại ý, nhà văn nhà thơ thời thơ ấu học văn như thế nào, nhà xuất bản in thành sách “Nhà văn học văn”. Đọc qua, nghe các nhà văn nhà thơ kể, tất nhiên là mỗi người có mỗi cuộc đời, mỗi người mỗi giọng văn, nhìn chung thì người nào, lúc còn đi học, cũng có khiếu văn, giỏi văn. Nếu không thì lấy gì làm cơ sở để sau này trở thành nhà văn? Rất lô-gích và rất tự nhiên. Duy chỉ có bài của tôi là hơi khác, có gì như ngược lại. Tôi kể, hồi tôi học ở trường Trung học Nguyễn văn Tố (1948 - 1950) tôi là một học sinh trung bình, về môn văn không đến nỗi liệt vào loại kém, nhưng không có gì tỏ ra là người có khiếu văn chương. Và có một lần, bài luận văn của tôi chỉ được có một điểm trên hai mươi (1/20). Đó là kỷ niệm không quên trong đời học sinh của tôi, môn văn.

Khi con tôi đọc bài văn đó, con tôi hỏi:

- Sao bây giờ ba là nhà văn?

Và bạn bè tôi cũng hỏi như vậy. Tôi cũng đã tự lý giải về mình, và lời giải cũng đã in vào sách rồi, xin không nhắc lại.

Tôi hỏi con tôi:

- Luận văn cô cho khó lắm hay sao mà bạn con bị không điểm.

- Luận văn cô cho “Trò hãy tả buổi làm việc ban đêm của bố”.

- Con được mấy điểm?

- Con được sáu điểm.

- Con tả ba như thế nào?

- Thì ba làm việc làm sao thì con tả vậy.

- Mấy đứa khác, bạn của con?

Thằng con tôi như chợt nhớ, nó liền thoắt:

- A! Có một thằng ba nó không hề làm việc ban đêm mà nó cũng được sáu điểm đó ba.

- Đêm ba nó làm gì? Nó tả ba nó đi nhậu à?

- Dạ không phải. Ba nó làm việc ban ngày nhưng khi nó tả thì nó tả ba nó làm việc ban đêm, ba hiểu chưa?

- Còn thằng bạn bị không điểm, nó tả như thế nào?

- Nó không tả gì hết, nó nộp giấy trắng cho cô.

- Sao vậy?

- Hôm trả bài lại cho lớp, cô gọi nó lên, cô giận lắm, ba. Cô hét: “Sao trò không làm bài?”. Nó cúi đầu làm thình. Tụi con ngồi dưới, đứa nào cũng run cho nó.

- Nó là học trò loại “cá biệt” à?

- Không phải đâu ba, học trò tiên tiến đó ba.

- Sao nữa? Nó trả lời cô giáo như thế nào?

- Nó cứ làm thình. Tức quá, cô mới quất cây thước xuống bàn cái chát: “Sao trò không làm bài?” Tới lúc đó nó mới nói: “Thưa cô, con không có ba”. Nghe nó nói, hai con mắt của cô con mở tròn như hai cái tô. Cô đứng sững như trời trồng vậy ba!

Tôi bỗng nhập vai cô giáo. Tôi thấy mình ngã quỵ xuống trước đứa học trò không có ba.

Sau đó cô và cả lớp mới biết được, em mồ côi cha vừa lọt lòng mẹ. Ba em hy sinh trên chiến trường biên giới. Từ ấy, má em ở vậy, tần tảo nuôi con...

Có người hỏi em: “Sao mà không tả ba của đứa khác”. Em không đáp, cúi đầu, hai giọt nước mắt chảy dài xuống đôi má.

Chuyện của đứa học trò bị bài văn không điểm đã để lại trong tôi một nỗi đau. Em bị không điểm, nhưng với tôi, người viết văn là một bài học, bài học trung thực. Sáng tạo không đồng nghĩa với bịa đặt.

Giữa những dòng chữ bịa đặt và trang giấy trắng, tôi xin để trang giấy trắng trung thực trên bài viết.

Mùa thu, 1990

Con Ma Da

Khi tôi nhận được thiệp cưới của nó, thằng Danh bạn tôi, thì đã muộn rồi. Muộn đến những ba tháng.

- Mẹ! Nếu mấy gởi trước một ngày thì dù có lời hàng tỉ tao cũng bỏ - Tôi chửi thề.

Và một bức thư vừa mới tới trước khi tôi về một vài ngày. Thư có đoạn viết:

... Tao nghĩ, thiếu ai chứ không thể thiếu mày. Vậy mà mày không về. Dù là ngày cưới (hạnh phúc, tất nhiên), vắng mày tao vẫn thấy cô đơn... Sau đó, những ngày trăng mật, tao quên tất cả, quên cả mày nữa. Đừng giận! Nay thấy nhớ bạn bè, nhớ mày. Nhưng không trách vì biết mày bận quá nhiều áp phe...

Mẹ, thương nó quá, lúc nào cũng thật. Quên thì nói quên! Chỉ có vậy mà tôi cảm động và nhớ nó còn cào. Nhớ những ngày cùng ký túc xá trường đại học. Một thằng bạn mới nhìn tưởng là con nhà võ, mặt vuông mày đậm, mắt to, da thịt cuồn cuộn, trông dữ dội nhưng lại mơ mộng, thích văn chương, hay triết lý, viết nhật ký đều mỗi đêm và làm thơ khi bốc đồng. Bây giờ nó là hiệu trưởng trường cấp ba của tỉnh. Cuộc đời của người thầy giáo, nó sống khiêm tốn, mực thước và êm đềm. Không như tôi, người làm kinh tế, không tránh khỏi bước thăng trầm, thường mệt mỏi vì đồng tiền. Ba mươi nó có vợ. Ba mươi, tôi vẫn cô đơn. Đôi lúc tôi thèm cái cuộc đời của nó.

Hai đứa hẹn với nhau, hai đứa sẽ thay nhau làm phụ rể trong ngày cưới. Thế mà tôi vắng mặt! Nhưng “dù muộn vẫn phải nói với nhau...”, tôi bỗng chợt nhớ đến cái giọng khê khàng của một cô gái thường rỉ rả vào tai tôi trong một quán bia. Một cô gái tuổi hai mươi có mái tóc xõa dài theo thân hình thon thả.

- Em tên Thu Hảo, tụi bạn ở đây gọi đùa là Thu Thảo. Anh muốn gọi em tên gì cũng được - Ngày đầu cô tự giới thiệu.

Cả hai tên của cô, tôi đều không gọi. Nữ chiêu đãi viên trong quán bia có mấy ai nói thật tên mình.

- Bữa nay em bắt số mấy?

- Bữa nay em hên lắm nghe - Giọng nhõng nhẽo - Đố anh số mấy?

- Số chín.

- Đúng. Đúng...

- Từ nay, anh gọi em là Chín được không?

- Hay, hay, cảm ơn anh nhiều, từ nay em là Chín của anh...

Từ đó, mỗi lần có tiền và buồn, tôi đều đến với Chín, cùng nhau một cốc

bia trong phòng lạnh đèn mờ. Tôi vừa vuốt mái tóc cô khi nghe cô kể chuyện đời, khi nghe cô hát. Cô kể, cô là con của một cán bộ quân đội, cấp tá. Ba cô chuyển ngành làm kinh tế cho uỷ ban tỉnh. Trong đợt bê tín dụng, ba cô bị kỷ luật, buộc phải về hưu với một số nợ phải trả. Tốt nghiệp lớp mười hai, cô không thi đại học, mà trở về đưa vai gánh vác việc nhà.

- Đời em như cô Kiều.

Tôi cười. Nữ chiêu đãi viên trong các quán bia không ai không có một cuộc đời bất hạnh. Thật giả làm sao biết được. Họ thêm thất cuộc đời của họ tài hơn cả nhà văn. Nghĩ vậy nhưng cũng cảm động, thế mới kỳ.

Tôi không yêu, nhưng như nghiện, nghiện cái phòng lạnh đèn mờ, nghiện cái giọng hát khê khàng, nghiện mái tóc tỏa hương trầm... Rồi bỗng một hôm, cô biến mất. Nghe cô chuyển đi quán khác, là chuyện thường tình của các cô. Sài Gòn này bây giờ, bia ôm mọc lên như nấm, biết đâu mà tìm. Đọc thư của thằng bạn loay hoay thế nào mà nhớ đến cô gái bia ôm, quái thật!

Tôi về thăm thằng Danh. Nhà Danh bên bờ sông Hậu. Nó đón tôi từ đường cái. Hai đứa vừa đi vừa trò chuyện, quanh co theo con hẻm nhỏ ngoằn ngoèo qua một xóm nhà lá lụp xụp, bỗng trước mắt tôi bùng lên một vòm trời mênh mông trên dòng sông cũng mênh mông, rạt rào tiếng sóng, và gió như vui với mái tóc tôi. Đám trẻ nhỏ đủ lứa tuổi đang nô đùa trên bến sông thật vui. Lòng cảm thấy thư thái lạ. Trong đám trẻ có một đứa nhỏ trần truồng, con chim như trái ớt, đập vào mắt tôi là cái vòng kiềng bằng sắt trong cái chân nhỏ lửng chững của nó.

- Thằng nhỏ dễ thương quá. Sao nó đeo cái kiềng sắt nặng quá vậy Danh?

- Nhà nó vẫn noi.

- Noi là sao?

- Mà không biết à?

- Không.

- Dân thành phố tui mà quên nhiều điều quá.

- Thôi nói đi, noi là sao?

- Ngày xưa, ông bố của thằng nhỏ đeo kiềng sắt đó chết trôi trên dòng sông này. Người chết trôi thì biến thành con ma da. Con ma da thường hay rút chân người tắm sông. Con cháu của người chết trôi như có một cái vết, gọi là có huông cũng được, ở đây gọi là noi, rất dễ bị theo cái vết của ông bà, mà hiểu chưa?

- Biết rồi, nhưng tại sao cây kiềng sắt?

- Con ma da không ai thấy, nhưng theo ông bà thì con da thân hình nó toàn là nhót. Nó rút chân người ta bằng hai bàn tay nhót của nó. Nhưng nhót

thì ky với sắt. Nhót gắp sắt thì nhót tan. Vì nó có noi nên nó phải đeo cây kiềng sắt là vậy. Hiểu chưa?

Qua câu chuyện của Danh, tôi như cảm nhận được biết bao điều bí ẩn đang cuộn cuộn dưới dòng sông. Nhà của Danh, ngôi nhà sàn nhỏ dưới bóng cây xoài, mái lá vàng, cửa nhìn ra sông, thật thơ mộng. Chưa kịp bước lên chiếc cầu thang lên nhà, Danh đã gọi:

- Hiền, em ơi!

- Da... ạ...

- Ra đây tiếp khách.

Hiền, vợ Danh, xuất hiện trên sàn nhà, sau lan can.

Tôi chết đứng. Và Hiền, vợ của Danh, cũng chết đứng như tôi. Mái tóc dài run rẩy trước ngọn gió từ những lượn sóng hắt lên người nàng.

- Hiền chính là Thu Hảo, là Chín của tôi trong quán bia.

- Chào chị Hiền. - Tôi lấy lại bình tĩnh, lên tiếng trước.

- Dạ thưa anh, mời anh lên nhà!

Tôi theo Danh, gặm mắt bước lên cầu thang, bụng rối bời.

Khi tôi và Danh ngồi vào ghế thì Hiền bung khay trà đặt lên bàn.

- Đây là thằng Mạnh, bạn anh.

- Em nghe nhà em nhắc anh hoài, nay mới gặp. Anh ở chơi chừng nào về?

- Ghé thăm anh chị một chút tôi về.

- Hả? - Thằng Danh như giật mình, nhồm lên - Về ngay à?

- Tôi nay mình phải tiếp một phái đoàn kinh tế Singapo.

- Nếu vậy thì có gì cho tụi anh lai rai đi em.

- Tiếc quá, anh không ở chơi lâu. - Hiền nói, và chỉ một cái nhìn, chúng tôi biết chúng tôi phải làm gì: đóng kịch.

Hiền biến vào nhà sau. Hai chúng tôi vừa uống trà vừa ôn lại kỷ niệm. Sau một tuần trà, Hiền bung ra chiếc mâm thau, trên mâm: một đĩa khô sinh, một đĩa xoài tượng xắt lát mỏng, một chai rượu đế, hai cái ly.

- Hai anh lai rai trước, em đi bắc nồi cơm.

Hiền lại biến. Tôi biết Hiền muốn tránh mặt nhưng Danh thì lại muốn khoe vợ. Anh cứ giục Hiền nhanh tay, ra ngồi chơi. Rõ ràng là Danh muốn vợ mình cùng nghe câu chuyện của hai đứa. Đợi đến lúc Hiền rảnh tay, Danh mới rót rượu và gọi chuyện.

Nếu là trong quán bia thì Hiền cũng nâng ly, nhưng bây giờ thì:

- Mời hai anh!

Trước mắt tôi bây giờ, Hiền không đánh phấn, không thoa son, chân mày không vẽ hình cánh cung, mắt không đeo mi giả, cái vẽ đẹp sắc sảo giả tạo



không còn nữa, trở nên đúng là một người vợ hiền của ông giáo.

- Lai rai đi. Sài Gòn có đủ cao lương mỹ vị, nhưng không có món này đâu.

Đúng như Danh nói, một miếng xoài tượng với một miếng khô sinh bắt mình phải uống cạn cả một ly, và uống thật sâu.

- Ôi! Đẹp quá! - Tôi reo lên và đưa tay chỉ một cánh bướm đỏ thắm đang căng gió lướt qua giữa dòng sông.

Danh vừa nhìn theo cánh bướm vừa nói:

- Nhiều lúc mình nghĩ, nếu con sông này chỉ có tàu, có máy đuôi tôm mà không có cánh bướm thì con sông này đối với mình chẳng còn gì là thơ mộng, thật là vô vị, và nàng thơ sẽ bỏ chạy. Theo tao, nàng thơ đang sống và đang căng đầy trong cánh bướm, nàng như nhắc nhở với mọi người, nàng vẫn còn, và ta vẫn còn thơ.

Tôi liếc nhìn Hiền. Hiền nhìn chồng như đăm đuối. Hớp cạn thêm một ly, Danh thao thao:

- Nhưng mày nên nhớ, người căng bướm không phải vì nàng thơ, mà vì không đủ tiền sắm máy. Cho nên nhiều khi tao nghĩ, cái nghèo là đất sống của cái đẹp.

Tôi chỉ cười. Danh tiếp:

- Tao biết tao nghĩ vậy là lẩn thân, hoặc là tao chưa đủ lý, chưa đủ lời để diễn đạt ý nghĩ của tao.

- Hai anh lai rai đi, nói hoài. - Hiền nhắc.

Không ngờ từ cái vẻ đẹp của cánh bướm loay hoay thế nào lại chuyển sang chủ đề về đạo đức.

- Gần đây đọc báo của thành phố, tao thấy buồn?

- Vì cái gì?

- Cám ơn các nhà báo đã báo động về sự suy thoái của đạo đức, nhất là nạn mãi dâm, mãi dâm công khai và mãi dâm trá hình của các quán bia ôm, cà phê ôm, đủ thứ ôm, nghe đâu có cả thịt chó ôm nữa, hết nước.

Tôi chớp mắt nhìn Hiền. Hiền quay mặt nhìn ra sông.

- Thôi thì cũng tại cái nghèo.

- Không! - Danh dằn ly rượu, cơn giận như bốc lên, mặt anh bừng đỏ - Tao không chấp nhận. Nếu nói vì nghèo mà ôm này ôm kia thì cả dân tộc này làm nghề “ôm” hết. Trong đời có bao nhiêu cách sống, sao chọn bia ôm? Nghèo thì mò cua bắt ốc!

Hiền bật đứng dậy:

- Em vô coi nồi cơm.

Tôi cầm ly rượu, nâng lên:

- Uống đi!

Hai đứa cùng cạn ly.

Một tuần sau, tôi nhận được thư của Danh báo tin: Hiền đã chết.

Chiều hôm đó trời chạng vạng. Vợ tao ra sông tắm. Đâu có ngờ, Hiền không trở lên nữa. Cả xóm đổ xuống sông, mò lặn khắp nơi. Ba ngày sau, Hiền mới nổi lên. Vợ tao chết vì con ma da. Nếu tao biết cho vợ tao đeo cây kiềng sắt như đứa nhỏ có noi thì đâu đến nỗi...

Tôi gục đầu, đập tay xuống bàn, hét lên:

- Con ma da ấy là tao! Tao! Tao!

Khi tôi nhận được thiệp cưới của nó, thằng Danh bạn tôi, thì đã muộn rồi. Muộn đến những ba tháng.

- Mẹ! Nếu mây gọi trước một ngày thì dù có lời hàng tỉ tao cũng bỏ - Tôi chửi thề.

Và một bức thư vừa mới tới trước khi tôi về một vài ngày. Thư có đoạn viết:

... Tao nghĩ, thiếu ai chứ không thể thiếu mây. Vậy mà mây không về. Dù là ngày cưới (hạnh phúc, tất nhiên), vắng mây tao vẫn thấy cô đơn... Sau đó, những ngày trăng mật, tao quên tất cả, quên cả mây nữa. Đừng giận! Nay thấy nhớ bạn bè, nhớ mây. Nhưng không trách vì biết mây bận quá nhiều áp phe...

Mẹ, thương nó quá, lúc nào cũng thật. Quên thì nói quên! Chỉ có vậy mà tôi cảm động và nhớ nó còn cào. Nhớ những ngày cùng ký túc xá trường đại học. Một thằng bạn mới nhìn tưởng là con nhà võ, mặt vuông mày đậm, mắt to, da thịt cuộn cuộn, trông dữ dội nhưng lại mơ mộng, thích văn chương, hay triết lý, viết nhật ký đều mỗi đêm và làm thơ khi bốc đồng. Bây giờ nó là hiệu trưởng trường cấp ba của tỉnh. Cuộc đời của người thầy giáo, nó sống khiêm tốn, mực thước và êm đềm. Không như tôi, người làm kinh tế, không tránh khỏi bước thăng trầm, thường mệt mỏi vì đồng tiền. Ba mươi nó có vợ. Ba mươi, tôi vẫn cô đơn. Đôi lúc tôi thêm cái cuộc đời của nó.

Hai đứa hẹn với nhau, hai đứa sẽ thay nhau làm phụ rể trong ngày cưới. Thế mà tôi vắng mặt! Nhưng “dù muộn vẫn phải nói với nhau...”, tôi bỗng chợt nhớ đến cái giọng khê khàng của một cô gái thường rỉ rả vào tai tôi trong một quán bia. Một cô gái tuổi hai mươi có mái tóc xõa dài theo thân hình thon thả.

- Em tên Thu Hảo, tụi bạn ở đây gọi đùa là Thu Thảo. Anh muốn gọi em tên gì cũng được - Ngày đầu cô tự giới thiệu.

Cả hai tên của cô, tôi đều không gọi. Nữ chiêu đãi viên trong quán bia có mấy ai nói thật tên mình.

- Bữa nay em bắt số mấy?
- Bữa nay em hên lắm nghe - Giọng nhõng nhẽo - Đố anh số mấy?
- Số chín.
- Đúng. Đúng...
- Từ nay, anh gọi em là Chín được không?
- Hay, hay, cảm ơn anh nhiều, từ nay em là Chín của anh...

Từ đó, mỗi lần có tiền và buồn, tôi đều đến với Chín, cùng nhau một cốc bia trong phòng lạnh đèn mờ. Tôi vừa vuốt mái tóc cô khi nghe cô kể chuyện đời, khi nghe cô hát. Cô kể, cô là con của một cán bộ quân đội, cấp tá. Ba cô chuyển ngành làm kinh tế cho uỷ ban tỉnh. Trong đợt bể tín dụng, ba cô bị kỷ luật, buộc phải về hưu với một số nợ phải trả. Tốt nghiệp lớp mười hai, cô không thi đại học, mà trở về đưa vai gánh vác việc nhà.

- Đời em như cô Kiều.

Tôi cười. Nữ chiêu đãi viên trong các quán bia không ai không có một cuộc đời bất hạnh. Thật giả làm sao biết được. Họ thêm thất cuộc đời của họ tài hơn cả nhà văn. Nghĩ vậy nhưng cũng cảm động, thế mới kỳ.

Tôi không yêu, nhưng như nghiện, nghiện cái phòng lạnh đèn mờ, nghiện cái giọng hát khê khàng, nghiện mái tóc tỏa hương trầm... Rồi bỗng một hôm, cô biến mất. Nghe cô chuyển đi quán khác, là chuyện thường tình của các cô. Sài Gòn này bây giờ, bia ôm mọc lên như nấm, biết đâu mà tìm. Đọc thư của thằng bạn loay hoay thế nào mà nhớ đến cô gái bia ôm, quái thật!

Tôi về thăm thằng Danh. Nhà Danh bên bờ sông Hậu. Nó đón tôi từ đường cái. Hai đứa vừa đi vừa trò chuyện, quanh co theo con hẻm nhỏ ngoằn ngoèo qua một xóm nhà lá lụp xụp, bỗng trước mắt tôi bùng lên một vòm trời mênh mông trên dòng sông cũng mênh mông, rạt rào tiếng sóng, và gió như vui với mái tóc tôi. Đám trẻ nhỏ đủ lứa tuổi đang nô đùa trên bến sông thật vui. Lòng cảm thấy thư thái lạ. Trong đám trẻ có một đứa nhỏ trần truồng, con chim như trái ớt, đập vào mắt tôi là cái vòng kiềng bằng sắt trong cái chân nhỏ lửng chững của nó.

- Thằng nhỏ dễ thương quá. Sao nó đeo cái kiềng sắt nặng quá vậy Danh?
- Nhà nó vẫn noi.
- Noi là sao?
- Mà không biết à?
- Không.
- Dân thành phố tui mà quên nhiều điều quá.

- Thôi nói đi, noi là sao?

- Ngày xưa, ông bố của thằng nhỏ đeo kiềng sắt đỏ chết trôi trên dòng sông này. Người chết trôi thì biến thành con ma da. Con ma da thường hay rút chân người tắm sông. Con cháu của người chết trôi như có một cái vết, gọi là có huông cũng được, ở đây gọi là noi, rất dễ bị theo cái vết của ông bà, mày hiểu chưa?

- Biết rồi, nhưng tại sao cây kiềng sắt?

- Con ma da không ai thấy, nhưng theo ông bà thì con da thân hình nó toàn là nhót. Nó rút chân người ta bằng hai bàn tay nhót của nó. Nhưng nhót thì kỵ với sắt. Nhót gặp sắt thì nhót tan. Vì nó có noi nên nó phải đeo cây kiềng sắt là vậy. Hiểu chưa?

Qua câu chuyện của Danh, tôi như cảm nhận được biết bao điều bí ẩn đang cuộn cuộn dưới dòng sông. Nhà của Danh, ngôi nhà sàn nhỏ dưới bóng cây xoài, mái lá vàng, cửa nhìn ra sông, thật thơ mộng. Chưa kịp bước lên chiếc cầu thang lên nhà, Danh đã gọi:

- Hiền, em ơi!

- Da... ạ...

- Ra đây tiếp khách.

Hiền, vợ Danh, xuất hiện trên sàn nhà, sau lan can.

Tôi chết đứng. Và Hiền, vợ của Danh, cũng chết đứng như tôi. Mái tóc dài run rẩy trước ngọn gió từ những lượn sóng hắt lên người nàng.

- Hiền chính là Thu Hảo, là Chín của tôi trong quán bia.

- Chào chị Hiền. - Tôi lấy lại bình tĩnh, lên tiếng trước.

- Dạ thưa anh, mời anh lên nhà!

Tôi theo Danh, găm mắt bước lên cầu thang, bụng rối bời.

Khi tôi và Danh ngồi vào ghế thì Hiền bung khay trà đặt lên bàn.

- Đây là thằng Mạnh, bạn anh.

- Em nghe nhà em nhắc anh hoài, nay mới gặp. Anh ở chơi chừng nào về?

- Ghé thăm anh chị một chút tôi về.

- Hả? - Thằng Danh như giật mình, nhô lên - Về ngay à?

- Tối nay mình phải tiếp một phái đoàn kinh tế Singapo.

- Nếu vậy thì có gì cho tụi anh lai rai đi em.

- Tiếc quá, anh không ở chơi lâu. - Hiền nói, và chỉ một cái nhìn, chúng tôi biết chúng tôi phải làm gì: đóng kịch.

Hiền biến vào nhà sau. Hai chúng tôi vừa uống trà vừa ôn lại kỷ niệm. Sau một tuần trà, Hiền bung ra chiếc mâm thau, trên mâm: một đĩa khô sinh, một đĩa xoài tượng xắt lát mỏng, một chai rượu đế, hai cái ly.

- Hai anh lai rai trước, em đi bắc nồi com.

Hiền lại biến. Tôi biết Hiền muốn tránh mặt nhưng Danh thì lại muốn khoe vợ. Anh cứ giục Hiền nhanh tay, ra ngồi chơi. Rõ ràng là Danh muốn vợ mình cùng nghe câu chuyện của hai đứa. Đợi đến lúc Hiền rảnh tay, Danh mới rót rượu và gọi chuyện.

Nếu là trong quán bia thì Hiền cũng nâng ly, nhưng bây giờ thì:

- Mời hai anh!

Trước mắt tôi bây giờ, Hiền không đánh phấn, không thoa son, chân mày không vẽ hình cánh cung, mắt không đeo mi giả, cái vẽ đẹp sắc sảo giả tạo không còn nữa, trở nên đúng là một người vợ hiền của ông giáo.

- Lai rai đi. Sài Gòn có đủ cao lương mỹ vị, nhưng không có món này đâu.

Đúng như Danh nói, một miếng xoài tượng với một miếng khô sinh bất mình phải uống cạn cả một ly, và uống thật sâu.

- Ôi! Đẹp quá! - Tôi reo lên và đưa tay chỉ một cánh bướm đỏ thắm đang căng gió lướt qua giữa dòng sông.

Danh vừa nhìn theo cánh bướm vừa nói:

- Nhiều lúc mình nghĩ, nếu con sông này chỉ có tàu, có máy đuôi tôm mà không có cánh bướm thì con sông này đối với mình chẳng còn gì là thơ mộng, thật là vô vị, và nàng thơ sẽ bỏ chạy. Theo tao, nàng thơ đang sống và đang căng đầy trong cánh bướm, nàng như nhắc nhở với mọi người, nàng vẫn còn, và ta vẫn còn thơ.

Tôi liếc nhìn Hiền. Hiền nhìn chồng như đăm đuối. Hớp cạn thêm một ly, Danh thao thao:

- Nhưng mày nên nhớ, người căng bướm không phải vì nàng thơ, mà vì không đủ tiền sắm máy. Cho nên nhiều khi tao nghĩ, cái nghèo là đất sống của cái đẹp.

Tôi chỉ cười. Danh tiếp:

- Tao biết tao nghĩ vậy là lẩn thân, hoặc là tao chưa đủ lý, chưa đủ lời để diễn đạt ý nghĩ của tao.

- Hai anh lai rai đi, nói hoài. - Hiền nhắc.

Không ngờ từ cái vẽ đẹp của cánh bướm loay hoay thế nào lại chuyển sang chủ đề về đạo đức.

- Gần đây đọc báo của thành phố, tao thấy buồn?

- Vì cái gì?

- Cám ơn các nhà báo đã báo động về sự suy thoái của đạo đức, nhất là nạn mãi dâm, mãi dâm công khai và mãi dâm trá hình của các quán bia ôm,

cà phê ôm, đủ thứ ôm, nghe đâu có cả thịt chó ôm nữa, hết nước.

Tôi chớp mắt nhìn Hiền. Hiền quay mặt nhìn ra sông.

- Thôi thì cũng tại cái nghèo.

- Không! - Danh dẫn ly rượu, cơn giận như bốc lên, mặt anh bừng đỏ -  
Tao không chấp nhận. Nếu nói vì nghèo mà ôm này ôm kia thì cả dân tộc này  
làm nghề “ôm” hết. Trong đời có bao nhiêu cách sống, sao chọn bìa ôm?  
Nghèo thì mò cua bắt ốc!

Hiền bật đứng dậy:

- Em vô coi nồi cơm.

Tôi cầm ly rượu, nâng lên:

- Uống đi!

Hai đứa cùng cạn ly.

Một tuần sau, tôi nhận được thư của Danh báo tin: Hiền đã chết.

Chiều hôm đó trời chạng vạng. Vợ tao ra sông tắm. Đâu có ngờ, Hiền  
không trở lên nữa. Cả xóm đổ xuống sông, mò lặn khắp nơi. Ba ngày sau,  
Hiền mới nổi lên. Vợ tao chết vì con ma da. Nếu tao biết cho vợ tao đeo cây  
kiềng sắt như đứa nhỏ có noi thì đâu đến nỗi...

Tôi gục đầu, đập tay xuống bàn, hét lên:

- Con ma da ấy là tao! Tao! Tao!



## Dân Chơi

Một đêm trăng rừng, sau một loạt bom nổ gần và sau tuần trà đậm, cả hai chúng tôi đều không ngủ. Hai anh em, mỗi người mỗi chiếc võng đu đưa dưới mái nhà lợp lá trung quân. Đêm rừng đã yên ắng, nhưng tiếng bom và tiếng rít của phản lực vẫn chưa ra khỏi tâm trí tôi. Tôi đang nghĩ đến cái chết và cái sống của thời chiến tranh. Ấy là đêm đầu mùa mưa năm 1966, và tôi là người ở Hà Nội đã vượt Trường Sơn về đến khu rừng này đã tròn một tháng.

Cơ quan văn nghệ R. cho tôi ở chung với một nhà văn mà anh em gọi là Tư già. Không hiểu anh đang nghĩ gì mà hỏi tôi thức hay ngủ rồi từ bên võng, anh nói sang:

- Tôi nghĩ trong đời người muốn đạt được danh hiệu gì cũng khó, cũng gian nan. Ví dụ, muốn đạt được danh hiệu anh hùng phải dũng cảm, phải mưu lược, và phải trả giá bằng sinh mạng. Muốn đạt được danh hiệu là nghệ sĩ nhân dân hay ưu tú phải có tài năng, được quần chúng ngưỡng mộ, vân vân... Đó là những danh hiệu khác. Đời người, ít hay nhiều, ai cũng chơi nhưng đạt được danh hiệu “Dân chơi” không phải dễ đâu.

Anh Tư nhà văn, anh chỉ hơn 40 mà sao ai cũng gọi anh Tư già? Ở chung nhà với anh một tuần, tôi đoán chừng, một là trong cơ quan văn nghệ R ai cũng trẻ, hai là anh lúc nào cũng thông thả, thông thả đến chậm chạp, nghe có tiếng máy bay, ai cũng ào một cái là xuống hầm, còn anh, anh cứ đi từng bước chậm chạp, thứ ba là trong các buổi nhậu anh em trẻ, ai cũng “dô” trăm phần trăm, còn anh, anh từ từ nâng ly lên, nói chậm rãi: “Anh Tư già rồi, tha cho anh Tư, để cho thằng già lai rai”. Điều thứ tư là miệng anh móm, móm xòm như ông già, bù lại cái miệng móm của anh lại có duyên.

Tôi gọi anh bằng anh, anh gọi tôi bằng chú, chú vai em, thân mật hơn, anh gọi tôi bằng chú mày, tự xưng là mình.

- Chú mày có một thằng bạn học đạt được danh hiệu đó. Biết ai không?

- Ai?

- Thằng Nguyễn Khắc Trung.

- Nhớ rồi! Thân lắm!

- Chú mày cho mình nghe một chi tiết nào đó chứng tỏ đúng là bạn thân thì mình sẽ kể tiếp.

Hồi học cùng trường, có con nhỏ cùng lớp cùng tuổi, đẹp nhút tên là Thùy. Thằng Khắc Trung mê lắm. Mà không chỉ một mình nó mà cả lớp đều mê. Em Thùy mà cười với thằng nào, thằng đó như lên mây, vui cả tuần cả tháng. Một hôm, tôi thấy nó buồn. Hỏi tại sao, nó bảo, trước khi nói nó chửi thề, và chưa bao giờ tôi thấy cái mặt nó đau khổ đến vậy: “Nó gọi tôi bằng

em”.

Anh nhà văn già cười ha há, vừa cười vừa chòi đạp trên võng, khiến hai cây cột lắc rung lên, cái võng của tôi cũng rung.

- Chi tiết đó chứng tỏ là bạn. Thằng Khắc Trung của chú mày nổi lên giữa đất Sài Gòn năm 1958, sau khi nó ra tù.

Khắc Trung là nhà báo, nhưng chẳng có một bài báo nào đáng nhớ, chỉ thấy ngày nào Khắc Trung áo quần cũng bánh bao, cầm tay lái chiếc Wolsvagen rong rong trên đường phố. Ăn sáng khi thì nhà hàng Thanh Thế, khi Pagode, khi Givral, hoặc Brodart, những nơi đó như câu lạc bộ của giới báo chí Sài Gòn. Com trưa, com chiều, com Tàu rong xe vào Chợ Lớn, com Tây ra Sài Gòn, com ta thì ra Cầu Bông, về Gia Định, tối thì nhẩy đầm trong các bar đường Tự Do. Lang bạt, không vợ không con, khi bắt bồ với vũ nữ, khi với ca sĩ, nổi tiếng nhứt là bắt bồ với một cô diễn viên múa người Đại Hàn. Thật là hết biết!

Ông bạn già kể về thằng bạn học của tôi, giọng triu mến cùng với nỗi nhớ đất Sài Gòn.

- Chú mày có biết tại sao mình kể chuyện thằng Khắc Trung với chú mày không?

- Anh nhớ?

- Nhớ cái cóc khô! Nếu nói nhớ thì mình nhớ một người đàn bà. Nhưng mình kể về nó là vì chú mày có thể gặp lại nó.

- Thằng Khắc Trung ở Sài Gòn, sao tôi gặp được?

Anh Tư già bật lưng lên khỏi võng, đưa tay chỉ về phía tôi:

- Giấu phải không?

Tôi đã được tổ chức phân công vào công tác nội thành Sài Gòn, là chuyện bí mật sao anh lại biết? Anh có biết cũng chẳng sao, tôi bèn thú nhận, là tôi đang chờ liên lạc để xuống Củ Chi, rồi từ Củ Chi vọt vào nội thành.

Anh Tư già tiếp:

- Mình kể về thằng Khắc Trung để chú mày nay mai ra Sài Gòn đi tìm nó. Nếu ngồi bên tay lái của nó như một thằng bạn, coi như an toàn.

- Vào nội thành là chuyện tuyệt mật, sao anh biết, anh Tư?

Anh Tư già lại bật lưng lên võng, cười ha há, một giọng cười đắc chí.

- Đã là nhà văn thì phải chơi chi tiết, mình phát hiện chuyện chú mày cũng từ một chi tiết, mình thấy chú mày đi chụp hình.

Đến lúc tôi bật lên võng lại cười, cười cái giọng của anh.

- Thằng nào mà không có một lần đi chụp hình?

- Ấy vậy! Chú mày lại đồn với tôi rồi. Nên nhớ người chụp hình là ông

Tỷ, chú biết chưa? Mỗi lần ông Tỷ từ đặc khu Sài Gòn về R là một lần có một người đặc phái vào nội thành Sài Gòn. Ông Tỷ làm căn cước giả cho mình, giả như thật. Nếu chú mày không được phái vào nội thành thì mắc mớ gì ông lên R để chụp hình?

Tôi là người tập kết ra Hà Nội từ năm 54 vừa mới trở về còn rất bỡ ngỡ nhiều điều chưa được biết. Anh Tư già lại tiếp:

- Mình cũng có một căn cước giả do ông cấp. Thằng chả có cặp mắt rất lạ, cặp mắt tinh đời, nói theo nghĩa dân gian là cặp mắt nhà coi tướng. Sau khi mình nhìn qua ống kính, bấm rắc một cái, hỏi qua lai lịch của mình thì chính ông ta ghi cho mình một cái nghề trong thẻ căn cước. Lần đó ông hỏi mình: “Anh muốn đề nghề gì?” Mình đáp: “Tôi đang viết báo”. Ông lắc đầu, báo chí bây giờ bọn nó đang theo dõi, cái tướng của ông dong dong, quần tây đen, áo sơ mi trắng, đeo kính trắng, tôi đề cho ông là: “Nhà giáo” nhưng không phải là nhà giáo chung chung, nếu bọn nó xét ông, hỏi ông, ông dạy ở trường nào, cấp mấy, ông sẽ ám ớ, trước sau gì ông cũng ăn còng số 8, nên tôi đề cho ông là nhà giáo tư gia, là gia sư nhưng chưa đủ, nếu nó hỏi ông dạy môn gì chớ nói là dạy môn toán, cái mặt ông thì phải dạy văn, cái môn văn là cái môn tào lao, ai cũng nói được. Mình nghe ông Tỷ bảo ban, mình phục ông sát đất! Có một chuyện rất vui, một đồng chí cấp cao bị ông Tỷ cho vào tờ căn cước “nghề ở đợ”, đồng chí cao cấp đỏ mặt tía tai: “Sao lại là nghề ở đợ”. Ông Tỷ tỉnh như không: “Cái mặt của đồng chí như vậy thì đề như vậy, nếu đồng chí muốn đề nghề gì tôi sẽ chấp hành nhưng nếu đồng chí bị bắt thì đừng trách tôi”. Nói đến đó anh Tư già cười ha há rồi hỏi tôi:

- Ông Tỷ cho ông nghề gì?

Tôi kể, ông Tỷ nhìn tôi rất lâu mà không chọn được nghề nào. Cái mặt của ông trơn quá, ông Tỷ than rồi hỏi cha mẹ tôi làm nghề gì. Thợ bạc, tôi đáp. Lập tức ông xòe tay cho tôi xem chiếc cà rá đeo ngón giữa, hỏi, vàng gì?

- Vàng tây. Tôi đáp không cần suy nghĩ. Sao biết? Nếu trăm phần trăm thì không bóng. Ông Tỷ cười, đúng, cái gì không thiệt trăm phần trăm thì làm bóng, thế là ông Tỷ cho tôi một cái nghề “buôn bán”, dặn thêm là buôn bán vàng...

- Nè, gần mười năm hoạt động trong nội thành, mình nghiệm thấy trong một khía cạnh nào đó của tâm lý, thằng Mỹ, thằng ngụy mắc một sai lầm lớn, khi nghĩ đến Việt cộng chúng nó thường nghĩ đến những thằng nghèo, thằng dốt, nó ít nghĩ đến người có học, người giàu, dân chơi thì hầu như nó không bao giờ nghĩ tới. Thằng Khắc Trung với cái lai lịch của gia đình nó, nó phải bị nhốt ở ngoài Côn Đảo. Nhưng nó là dân chơi, bọn nó không để ý. Nếu chú

mày, tao nhắc lại nếu ngồi bên tay lái của chiếc xe dân chơi thì cầm chắc “muôn năm”. Và chỉ một ngày, chú mày có thể nhìn bao quát được cả Sài Gòn.

- Làm sao tìm được nó?

- Cứ đến mấy tòa soạn báo, hỏi, ai mà không biết.

Sở dĩ tôi còn ở lại rừng là phải chờ giao liên. Giao liên từ Củ Chi đưa cán bộ lên R, từ R đón cán bộ về Củ Chi, một tuần mới có một chuyến.

Từ Hà Nội trở về, tôi đề đạt nguyện vọng lên cấp trên xin được về chiến trường Đồng Tháp Mười, đó là chiến trường xưa của tôi thời chống Pháp. Nghĩ đến Đồng Tháp, tôi nghĩ đến cánh đồng mênh mông, những cô gái xõa tóc, hoặc mái chèo trên những con kinh dài hun hút.

Khi tôi nhận được quyết định về nội thành, tôi rất băn khoăn. Hai chiến trường, mỗi nơi có mỗi đặc điểm riêng. Vào nội thành Sài Gòn, sẽ không bị chết vì bom đạn, không đói khát. Gặp một anh ở nội thành vào, tôi hỏi: buổi sáng ăn gì? Anh đáp: bình thường thôi, hủ tít, cà phê, bánh bao, giò cháo quẩy, cơm nếp lạp xườn, thích gì ăn nấy, nghe mà phát thèm. Nhưng lại không thoải mái, phải đối phó từng giờ từng phút, phải đóng một vai kịch nào đó, đóng kịch cả trong giấc ngủ, hễ sơ sẩy thì bị bắt, bị tra tấn, bị tù đày. Tôi không hình dung nổi biết mình có dũng cảm khí tiết hay không. Nghĩ đến cảnh tượng ấy, tôi sợ, nếu về chiến trường Đồng Tháp Mười, sẽ gian khổ, chẳng biết lúc nào bị chết vì bom đạn, nhưng lại được tự do thoải mái. Chiến trường này hợp với tôi hơn nhưng biết sao, mệnh lệnh thì phải chấp hành. Tìm lý do từ chối, sẽ bị mang tiếng thẳng chạy xít!

May sao, cái ngày có giao liên là ngày tôi lên cơn sốt, sốt cao, sốt mê man, ở rừng chết vì sốt ác tính là chuyện thường. Anh em phải khiêng tôi vào bệnh viện. Trong những ngày tôi nằm bệnh viện, ban lãnh đạo Củ Chi có công văn gửi về R đại ý rằng, Củ Chi đang chống càn do đó không nhận một cán bộ nào nữa.

Dứt sốt tôi về cơ quan văn nghệ R với một quyết định mới, về chiến trường Đồng Tháp Mười với nhiệm vụ: ký giả chiến trường.

Tôi mừng rơn. Tôi hình dung, tôi sẽ đứng bên bờ sông Cửu Long, con sông quê hương mà tôi đã xa cách hơn 20 năm. Tôi hình dung tôi sẽ gặp lại cha mẹ tôi, anh em tôi cùng với những người thân mà tôi hằng mong nhớ. Tôi khoe với anh Tư gia, anh cười, cái miệng móm xòm:

- Tôi biết lúc ông còn trong bệnh viện, tôi mừng cho tương lai văn học của chú mày. Mình không hình dung được chú mày vào nội thành, chú mày sẽ viết được cái gì? Nếu suôn sẻ, chú mày có thể vào cấp ủy, nhưng vẫn

chương thì thật khó nói. Còn về chiến trường Đồng Tháp thì chú mày sẽ có ít nhứt một tập ký về chiến trường. Thôi! Nói chuyện khác, sau một trận sốt, người ta thèm ăn một món gì đó, mình hỏi, bây giờ chú mình thèm ăn cái món gì?

Nghe anh hỏi, tôi chợt nhớ và kể - Hồi ở miền Bắc, năm 1958, tôi đi thực tế ở Ba Vì, theo một đơn vị Nam Bộ ở nông trường nuôi bò.

Dưới chân núi Ba Vì, tôi bị sốt. Dứt cơn sốt, anh chàng trung đội trưởng tên Tốt, người như tên, thật tốt bụng, hỏi tôi, anh thèm gì, tôi nói, thịt heo luộc với một xị đế. Tốt không nói gì, bật dậy “xách đít” đi. Tôi nghĩ là Tốt hỏi cho vui và đi vì một việc gì đó của đơn vị. Không ngờ, chiều về, anh mang đến cho tôi một tô thịt luộc, một nắm rau thơm với một lít đế. Tốt cười thỏa mãn sau một thành công:

- Rất may, chiều nay đơn vị làm heo, tôi xấn một ký, nhúng vô chảo nước sôi nấu com, thôi nhậu đi!

Tôi và Tốt ngồi nhậu cho đến mặt trời lặn. Không hiểu sao mà tôi cắt luôn cơn sốt. Còn bây giờ thì tôi thèm.

- Thèm gì?

- Thèm cái mà ở rừng không thể có.

- Cứ nói xem?

- Chuối chiên!

Anh Tư già mắt liếc xéo tôi với nụ cười nửa môi.

Buổi trưa hôm sau, tôi đang lơ mơ ngủ trên võng dưới bóng cây rừng. Nghe có ai lay đầu võng tôi:

- Dậy! Dậy!

Tôi mở mắt:

- Anh Tư già.

Từ chiếc võng của tôi qua chiếc võng của anh không quá ba thước được che qua một hàng cây rừng. Chiếc võng dù của anh treo giữa hai cây tai nghe gần khoảng trống nhìn ra trắng.

Dưới võng của anh, trên một tờ báo trải rộng dưới mặt cỏ, tôi thấy có bốn miếng chuối chiên đặt dài trên tờ giấy rất trân trọng. Như một giấc mơ anh bảo:

- Mỗi thằng hai miếng!

Miếng chuối chiên bằng hai ngón tay, bao bên ngoài là một lớp bột vàng. Nhưng ở rừng làm gì có bột. Sau này, tôi được biết, anh xay bột bằng cách bỏ từng nhúm gạo vào lon sữa bò, rồi dùng cán cây “boa nha” đâm từng nhúm đến nát, rồi lại đâm nhúm khác cho đến khi đủ bột cho bốn miếng chuối.

- Miếng đầu chú mày ăn ngấu nghiến cho đã thèm, miếng sau thì nhấm nháp từng miếng cho đã.

Ăn chuối chiên, uống trà củ măng trong một buổi trưa rừng, bữa chuối chiên nhớ cả một đời người.

Nếu vào nội thành, gặp lại thằng bạn dân chơi chẳng biết có vui không, chớ ở đây, chơi với anh Tư già thật thích thú.

Anh về Bến Tre, tôi ở Đồng Tháp, tôi với anh sẽ đi với nhau một tuyến đường, bốn ngày bốn đêm đường bộ, một đoạn đường sông, qua bốn trạm. Đi với anh thật yên tâm, thứ nhứt là bữa ăn, trong cái bong mang trên lưng của anh không chỉ có quần áo mà như có cả một cái bếp lưu động. Cái “bếp” có đủ gia vị: hành khô, ớt khô, tiêu tỏi muối đường, bột ngọt và nước mắm khô. Tôi chỉ làm một việc đơn giản, đi quơ củi, nấu cơm bằng cái “hăng gô” treo trên cái bếp lửa dã chiến. Còn anh, anh đi vào rừng hái rau, rau cải trời, rau càng cua, lá bứa và đủ thứ rau rừng. Ngoài cây “boa nha” trong bong của anh còn có con dao thái thịt bằng hai ngón tay, lại còn có một hộp lưỡi câu, lưỡi câu nhiều cỡ khác nhau, một sợi nhợ dài. Hôm nào đến trạm sớm chưa đúng bữa ăn thì anh chặt một nhánh cây rừng, chuốt thành cần câu, anh đi ra suối hoặc một con rạch hay con sông của đất trạm. Anh đi không lâu, muện nhứt là một tiếng, anh thường trở về với một xâu cá rô mè.

Một bữa cơm chiến trường thật ngon lành.

Đến một cái trạm tôi với anh sẽ chia tay.

Chúng tôi đặt nó là một cái trạm “nghỉ ngơi”. Không như những trạm khác, ngủ lại một đêm, mờ sáng lại phải đeo bong, lại đi. Còn cái trạm này chúng tôi được nghỉ lại một ngày, ngủ thêm một đêm.

Trạm giao liên này đóng bên bờ con sông trong một xóm nhà lưa thưa, nằm giữa một vạt tràm xơ xác. Tháng sáu âm lịch, nhằm những ngày con nước quay, dòng sông ngầu đục chất phù sa, ào ạt và mỗi lúc dâng đầy. Con sông tựa như con rắn uốn mình, ào ạt suốt đêm ngày. Để thử sức mình, tôi trèo mình, lặn một hơi thì đến bên kia bờ, bên kia bờ là đất nước Campuchia. Khi tôi trở về, anh Tư già khen chỉ cần hai hơi mà chú mày đặng được hai bờ biên giới của hai đất nước, chú mày trở về chiến trường Đồng Tháp là đúng.

Ở trạm “nghỉ ngơi” này có người môi giới cho khách đi đường đổi tiền Sài Gòn ra tiền “ria” của Campuchia, người môi giới ấy không ai khác là các cô cậu giao liên, rồi cũng chính các cô cậu ấy bơi qua sông nhờ các cô gái Miên ra chợ mua đủ thứ thức ăn theo yêu cầu của khách.

Người nhận đổi tiền và mua giúp thức ăn cho chúng tôi là cô giao liên tuổi mười tám đôi mươi. Những cô giao liên tôi thường gặp đều là cô gái



nông thôn, nước da bánh mật, râm nắng, gương mặt cô nào cũng rần rỏi. Còn cô giao liên ở trạm “nghỉ ngơi” này thì như một cô nữ sinh, mái tóc xõa ngang vai, nước da trắng hồng, môi đỏ như son, cô mặc chiếc áo bà ba màu xanh lá cây, quần ny lông đen ống túm, choàng chiếc khăn rằn tưởng như cô vẫn công đóng vai giao liên trên sân khấu.

Trạm nào cũng có thể bị đổi, còn cái trạm “nghỉ ngơi” này thì phủ phê. Cũng giao liên nhưng cô cậu nào về được cái trạm coi như số đỏ. Nhìn cô giao liên đang đếm lại tiền, tôi nghĩ và hỏi:

- Em tên gì?

- Bông! - Cô ngược đôi mắt long lanh nhìn tôi.

Tôi trêu:

- Bông cũng là hoa, sao không đặt tên là Hoa cho nó đẹp.

Anh Tư già ngồi trên vông liếc xéo qua tôi. Cô Bông đáp:

- Cha mẹ đặt sao để vậy, với lại em không thích tên Hoa.

- Sao lại không thích tên Hoa?

- Tên Hoa nhiều nghĩa lắm. Người có tài gọi là tài hoa, không ai gọi là tài bông, rồi lại hào hoa phong nhã, cũng không ai nói hào bông phong nhã, còn em Bông là Bông!

Anh Tư già nhìn xéo tôi và như anh đứng về phía cô gái anh cười chọc tôi. Khi cô gái đi rồi, anh lại nhìn xéo với nụ cười hóm hỉnh:

- Thua một bàn trông thấy!

Buổi sáng hôm đó, hai chúng tôi ăn thịt quay bánh hỏi. Chín năm ở Hà Nội, thịt heo quay ở chợ nào cũng có, nhưng không thấy đâu có bánh hỏi. Hơn ba tháng vượt Trường Sơn, tôi đang còn đói, món gì mà chẳng ngon, có dè đâu lại được cái món ngon tuyệt vời này với rượu đế. Đã vậy, sau khi ăn lại còn uống trà “củ măng” với bánh in sâu riềng. Tôi “chíp” cái bánh in sâu riềng này, bèn gửi mua thêm một chục phong dành ăn trừ cơm.

Cơm nước no nê hai chúng tôi mỗi người mỗi vông dưới bóng cây trâm bầu. Tôi đang lim dim thì anh đánh thức bằng một cái quẹo nhẹ bên vai tôi: “trực thăng”, anh nói rất nhẹ nhưng tôi bật dậy ngay, đúng là có tiếng trực thăng đâu đó xa lắm, cả hai đều nhìn xuống cái hầm đầu vông. Tiếng trực thăng mỗi lúc mỗi rõ, rồi tiếng hét hót hoảng: “Trực thăng! Trực thăng!” Tiếng hét hót hoảng của ai đó trong đoàn khách, khiến tất cả đều bật dậy rời vông ngồi sẵn bên nắp hầm, nhưng thấy anh Tư già vẫn nằm trên vông phì phà khói thuốc. Tôi bắt chước anh, cũng đốt một điếu thuốc, cũng hút trong tiếng lạch bạch của trực thăng, nhưng mỗi người hút mỗi cách khác nhau, điếu thuốc trên miệng anh cháy đều, khói cũng nhẹ nhàng, còn điếu thuốc

trên miệng tôi thì ngùn ngụt, khói thuốc từ cửa miệng tôi cũng ngùn ngụt như ống khói.

Khi tiếng trực thăng rộ lên hung hăng giận dữ, anh bật dậy với lấy cái bình toong đựng rượu rót vào nắp bình toong đưa cho tôi với một cái nháy mắt: “Hóp một miếng”. Rồi anh cũng hóp một miếng: “Mình phải lấy rượu làm nư!” (Sau này, tôi lại có một thói quen giống anh, hễ nghe tiếng trực thăng đến gần là tôi uống một ly, có người hỏi tôi, tôi đáp, lấy trực thăng làm mồi, nói tắt là nhậu trực thăng).

Ba chiếc trực thăng bay dọc theo con sông biên giới, nghiêng cánh liếc qua cái trạm, rồi đảo một vòng, bay thẳng theo con đường mòn dẫn vào cánh đồng sâu, “sút” ba cái hỏa tiễn, coi như xong nhiệm vụ rồi mất hút.

Bầu trời trở nên yên lặng, yên lặng hơn cả trực thăng khuấy động, chúng tôi trở lên vờng. Vừa no vừa ngà ngà say, thần kinh vừa mệt mỏi lại có ngọn gió đông, tôi đánh một giấc ngon lành. Khi tôi choàng tỉnh thì đã về chiều, trời lại sa mưa. Buồn lạ! Nhìn qua, tôi thấy anh đang đọc sách tiếng Pháp, anh xếp sách:

- Dậy rồi hả? Chiều nay tôi đãi chú mày một món nhậu của nông dân.
- Món gì?
- Nhái.
- Ở đây có bán?
- Không! Mình đi bắt. Chú lo lửa củi.

Nói vậy rồi anh rời khỏi vờng, trong tay một cái túi may bằng áo mưa màu xanh đã cũ nát, bước ra đám cỏ dưới cơn mưa lất phất, rồi anh giả dạng nhái, anh giả giọng thế nào mà nhái từ đâu trong đám cỏ, như thót bụng dọt qua ngọn cỏ tới anh, anh đưa tay chớp gọn, nhốt vào bọc ni lông, rồi lại giả giọng và nhái lại bươn bả nhảy lại dưới chân anh. Tôi không thể hiểu được và thấy như lạc vào một miền đất xa lạ nào đó cùng với những cư dân có bùa chú.

- Củi lửa xong chưa?

Đến lúc ấy tôi mới bắt đầu nhen ngọn lửa. Tôi đã bảo anh là một người khéo tay. Anh chặt mấy nhánh trâm bầu nhỏ, tuốt da đặt lên bếp lửa. Có ngay một chén muối tiêu chanh và một chút bột ngọt. Anh nướng từng con, chín con nào ăn con nấy, anh cầm nguyên con nhái đưa vào miệng tôi:

- Đừng cắn làm đôi hay làm ba, phải nhai nguyên con, nguyên con mới đủ một hóp rượu.

Những cọng xương nhỏ cùng với thịt da của nó rào rào dưới hàm răng trong của tôi, ôi sao mà ngon mà ngọt mà thơm lạ, lại một hóp rượu nữa,

tuyệt! Hết con này tới con khác đang ngon miệng, tôi chợt hỏi:

- Anh Tư?

- Gì?

- Tôi thấy anh em đi vào cuộc chiến tranh này, một cuộc chiến tranh quá khốc liệt, ai cũng có một tâm trạng nào đó, có lúc sơ hở có lúc cuồng cuồng, còn anh, tôi thấy sao anh cứ nhàn nhã như đi chơi vậy?

Hình như câu hỏi vô tình của tôi đã gãi đúng chỗ ngứa của anh, anh bật cười ha hả, cười đến sặc cả rượu, rồi anh nhìn tôi, hai con mắt cười long lanh:

- Đi làm cách mạng mà nói đi chơi là không nghiêm túc, có thể bị phê bình là không đúng lập trường. Nhưng (anh nhấn mạnh) nghĩ theo một cái nghĩa nào đó, nói là chơi cũng được.

Mình kể cho chú mày nghe cái tiếng “chơi”. Hồi ở Sài Gòn trước khi vào R mình có một bữa tiệc nhỏ chia tay với bạn bè. Bạn bè hỏi mình đi đâu? Không thể nói vào khu, không thể nói đi làm cách mạng, cũng không thể nói là đi đánh Mỹ, tự dưng mình buột miệng: “Đi chơi!”. Vậy là từ đó cái tiếng “chơi” cứ đeo đuổi theo mình. Càng gẫm càng thấy ý nghĩa, đây là một cuộc chơi lớn. Miền Bắc, thế nào mình không rõ chớ trong Nam mình, hồi nhỏ, hễ rủ nhau đánh lộn thì hỏi: “Chơi không?” Đối phương đáp “Chơi”. Thế là cả hai bên nhào vô “quánh”. Cuộc này mình chơi với thằng Mỹ. Đã dám chơi thì không sợ. Bom đạn cứ bom đạn, cần nhậu thì nỏ lửa. Nó bay trên đầu mình nỏ lửa mà không có khói thì nó làm gì? Cũng coi như “chơi” lại với nó.

Tôi nhen thêm lửa, anh móc thêm hai con nhái trong bọc nhựa đặt lên bếp, anh vừa trở con môi vừa nói:

- Có lúc, anh em thấy mình như nhớn nhoe, có người đặt cho mình biệt hiệu: Tư chơi thay cho Tư già. Mình từ chối. Già thì đã đến, “chơi” thì chưa đạt lắm.

Chiều hôm sau, đến chuyến hai đưa phải lên đường cùng với một đoàn khách hơn hai mươi người và người dẫn đường là cô Bông. Trời nhá nhem tối, đoàn người xếp hàng một, bông đeo lên vai, tôi với anh Tư già đứng cuối cùng. Anh lại đưa tay khều vai tôi:

- Có nên ở lại chơi thêm hai hôm nữa không?

Thật lòng, tôi muốn lắm, nhưng rất ngại.

- Tôi thấy chú mày chưa lại sức, ở lại “chơi” bồi dưỡng thêm vài ngày nữa.

Vừa lúc đó có một đoàn cán bộ trên R về, đoàn này sẽ nghỉ lại một chuyến và sẽ tiếp thu chỗ ăn ở của đoàn chúng tôi.

- Anh Tư! - Có ai đó gọi anh.

Một thanh niên trạc tuổi hai mươi lăm, xô tới ôm vai anh. Anh quay lại:

- Bá! Mới tới?

- Dạ em mới tới.

- Hay lắm! Nghỉ lại một chuyến, ở lại “chơi” với tụi này.

Bá lắc đầu:

- Đúng ra thì phải nghỉ lại một chuyến, nhưng em tranh thủ đi ngay.

- Làm gì mà vội vậy?

Bá cười đỏ mặt.

- À biết rồi, đi đi...

Bá liền cầm đầu chạy theo đoàn khách đã đi một quãng xa.

Hai chúng tôi trở lại chỗ cũ mở bong, mắc võng che tăng.

Lên võng, phì phà điếu thuốc, tôi hỏi:

- Bá nào mà vội quá vậy anh Tư?

- Em út của thằng bạn mình hồi chín năm. Nó mới vừa lấy vợ thì được điều về R dự khóa dân quân một năm để trở về làm huyện đội phó. Nó sốt ruột là phải.

- Bá về tới đâu?

- Cà Mau.

- Đi mất bao nhiêu ngày?

- Nếu suôn sẻ thì chuyến nào cũng phải mất hơn một tháng.

Tôi chặc lưỡi. Anh tiếp:

- Ấy là chuyện thường. Có đoàn đi chỉ cần một tuần, nhưng nếu gặp giặc càn có khi mất đến cả mấy tháng. Chiến tranh thì đâu có gì bình thường.

Cái đêm ấy vì no bụng, no cả mắt hay là vì không ngủ được hai chúng tôi cứ trở mình trên chiếc võng, như có một tín hiệu bí ẩn nào đó của chiến tranh, lòng thấy nao nao. Thế là hai anh em lại uống rượu dưới tầm bay của chiếc “ĐaKôta”, nhìn pháo sáng ma quái và nghe tiếng bom rền. Một loạt bom rền nghe rất xa, nhưng hơi bom lại dội về lao xao qua rặng trâm bầu. Cũng với cái giọng nhẹ nhàng, anh bảo:

- Bê năm hai nghe rền rền vậy là xa lắm, khi nó nổ gần mình thì cứ nghe ùn ùt, mặt đất chao đi như đưa võng. Buồn quá hả! Thôi! Ở Hà Nội có gì vui kể nghe chơi.

Thế là tôi kể chuyện Hà Nội, chuyện này qua chuyện khác, thủ thủ mồn mồn rồi thiếp đi lúc nào không hay biết.

Có ai đập trên đầu võng tôi như báo động, tôi bật dậy, anh Tư già cũng bật dậy, trời sáng bạch.

Trước mắt chúng tôi là anh trạm trưởng quần đen, áo đen, khăn rằn quàng

cổ, mặt tối sầm:

- Hai đồng chí chưa đi hả?

Có thể bị quở trách gì đây, anh Tư già đưa tay chỉ qua tôi, lệ miệng:

- Đồng chí này vượt Trường Sơn, bị sốt.

Tưởng anh trạm trưởng phê phán hay trách móc nhưng anh nhìn chúng tôi với hai con mắt buồn như có một đám mây, giọng khàn khàn:

- Thật may cho hai đồng chí. - Rồi giọng của anh như lạc hẳn đi - Cả đoàn chết hết cả rồi!

Chúng tôi chết sống một hồi lâu mới cất được tiếng:

- Sao?

- Bê năm hai ba đợt đội ngay đội hình, rồi trực thăng, đồng nước mênh mông, không hầm không hố.

- Cô giao liên tên Bông còn không?

Anh trạm trưởng chỉ hơn hai mươi tuổi mà già đi hơn bốn mươi, anh buồn rầu lắc đầu. - Không còn một ai.

- Không còn một ai.

- Không còn một ai! - Anh Tư già không phải hỏi mà lặp lại như tiếng vang.

o O o\* \*

Ba năm sau. Trong ba năm ấy, tôi xê dịch ba nơi: ở chiến trường Đồng Tháp một mùa nước thì trở về R. Từ R theo một cách quân tiến về Sài Gòn năm Mậu Thân, rồi từ chiến trường Sài Gòn lại trở về R. còn anh Tư già thì ở Bến Tre, nhưng không ngồi yên một chỗ, khi ở cù lao này lúc ở cù lao khác, mỗi lần thay đổi cù lao là phải vượt sông trong tầm súng của tàu tuần, dưới tầm bay của trực thăng.

Cả hai đều suýt chết nhiều lần nhưng không chết mà gặp nhau trên một cái hồ giữa rừng biên giới. Một cái hồ mệnh mông có một dòng sông nhỏ nối liền sông Cửu Long, nhờ đó mà cá từ Biển Hồ xuôi theo sông Cửu Long, rẽ vào nhánh sông nhỏ, vào hồ trú ngụ sanh đẻ. Độ mười cái nhà bè sống trên hồ, sống bằng nghề đánh cá.

Anh em ở chiến trường về, bệnh hoạn hoặc ốm yếu mới được ra hồ để bồi dưỡng. Hồ có rất nhiều loại cá: cá bống, cá lẩn, cá trên... có một loại cá dễ câu nhất là cá thác lác, dễ câu là vì biết được cái khẩu vị của nó. Mồi trùn, mồi dế, mồi cào cào cá thác lác không mê lắm, nó mê nhất là mồi con gián. Đêm đêm, một thằng bạn chuyên làm nhiệm vụ bắt gián, sáng ra thì tôi đi câu. Nói là đi chứ chẳng đi đâu. Nhà bè nào cũng có vài cái lỗ độ hai tấc vuông để tuôn rác xuống hồ. Cái cần câu ở đây chẳng có gì thơ mộng nhưng rất thực dụng, là một khúc tre già bằng ngón tay cái, dài bốn năm tấc, cả hai đầu đều bằng nhau buộc nhợ câu vào đầu nào cũng được, ngắn gọn mà chắc. Tôi móc con gián vào lưỡi câu, ngồi trên sàn gỗ của nhà bè, mở cái nắp lỗ, thả xuống.

Không phải đợi lâu, chỉ cần hút vài ba hơi thuốc là cần câu bị ghì xuống, giật lên, con cá thác lác bề ngang bằng bàn tay, vẩy bạc li ti, mắc vào lưỡi câu uốn mình giãy giụa, tôi khéo léo kéo qua lỗ đưa nó lên sàn, một con. Mỗi sáng chỉ cần ngồi câu độ nửa tiếng là có bốn năm con thác lác, đủ ăn cả một ngày. Nhiệm vụ của tôi thế là xong. Phần còn lại là của anh Tư già, anh làm cá, chế biến thức ăn và nấu cơm một ngày hai bữa, cực nhưng anh khoái làm bếp. Làm cá thác lác người ta chỉ nạo lấy thịt còn da thì bỏ, anh Tư lại khác- cái da cá anh đem phơi, da cá thác lác anh mắc đầy lên cây rừng.

- Cá đâu có thiếu gì mà tiết kiệm đến cái da anh Tư?

- Ấy, rồi sẽ có lúc cần.

Một hôm, tối lắm, một đoàn bạn trẻ cùng một cơ quan, bốn đứa từ trong rừng kéo ra hồ. Anh Tư hỏi:

- Mấy chú đi đâu giờ này? Chuyện gì?

Hỏi vậy là có hơi lo, tin giặc cần hoặc dời cứ gì đây - một bạn trẻ đáp:



- Có gì đâu! Tụi cháu rủ nhau ra thăm chú Tư chơi.

Anh Tư đưa ngón tay trở lên, hỏi:

- Nói cho rõ. Ra chú Tư chơi hay là ra chú để chơi?

Anh bạn trẻ lém lỉnh:

- Ra chú Tư chơi để chơi, được chưa?

- Vậy thì ngồi đó.

Anh Tư giả nổi lửa rồi quay qua tôi:

- Mời cá thác lác đâu?

Tôi biết anh không bảo tôi đi câu, lẹ chân tôi đi gom da cá thác lác treo trên cây rừng, co ít nhứt cũng bốn năm chục cái da cá. Da cá thác lác để vào lửa, nó quéo lại thơm lừng.

Với mỗi da cá, rượu đựng trong thùng đạn Mỹ, bọn tôi uống sạch bốn lít.

Một đêm cũng trên cái hồ ấy ngoài những chuyện về chiến trường, anh lại nhắc đến thằng bạn dân chơi của tôi ở Sài Gòn, Nguyễn Khắc Trung.

- Trần Mậu Thân đánh vào Sài Gòn có gặp thằng dân chơi của chú không?

- Không! Tôi chỉ đi đợt 1 cũng chỉ đến An Lạc rồi rút về.

- Uống uống!

Tôi nhớ lại thằng Khắc Trung, nhớ lại thời còn đi học. Không ngủ được vì nhớ hay vì con trăng rừng huyền ảo quá!

Rồi hai đứa cũng gặp nhau. Ấy là một buổi chiều tháng năm 1975, những ngày đầu tung bồng của Sài Gòn vừa giải phóng. Tôi đang thả bộ trên vỉa hè dưới hàng me đường Trần Quý Cáp (nay là Võ Văn Tần) bỗng có người gọi đúng tên tôi, tiếng gọi nghe như hét, như bị dồn nén từ lâu, tôi quay lại: thằng Khắc Trung, nó ngồi trên chiếc xe Honda nam màu đen cao lêu nghêu. Đã hơn hai mươi năm từ ngày tôi với nó với mấy thằng bạn ngủ dưới nền đất trong ngôi nhà bên sông Trà Cú trước ngày tập kết, hai mươi năm sau tôi vẫn nhận ra nó, cái mặt chơi của nó răn rỏi quá.

- Đi sau lưng mà sao nhận ra tao, Trung?

- Tao với mày có cái khác nhau. Cổ tao dài như cổ cò, còn cái cổ của mày như cái cổ vịt lùn Sa Đéc. Nó đưa tay ra sau vỗ lên yên xe, nói như lệnh: “Lên xe!”.

Từ đó, đôi ba ngày nó lại thắng xe trước sân nhà tôi hét vào:

- Bạn áo vô!

Tôi có ở trần hời nào đâu mà nó bảo tôi mặc áo? Đó như là ám hiệu có nghĩa là lên đường đi nhậu.

Khi ngồi vào quán trước ly rượu, nó bảo:

- Với mày tao có kế hoạch như vậy, tao bỏ ra một tháng để chống dốt cho mày.

Tôi chưa kịp hiểu thì nó nhướng mày:

- Không phải mày bị dốt vì chữ nghĩa, ra miền Bắc, mày được học hành, chuyện đó bây giờ mày giỏi hơn tao. Nhưng tao biết tụi mày gian khổ lắm, cái gì ở đất Sài Gòn này, mày chưa biết, tao cho mày biết, được hôn.

- Còn gì bằng!

Buổi chiều lần đầu gặp nhau, nó đưa tôi đến một cái quán sang ở chợ cũ, nó cho tôi ăn con đuông, quả là từ nhỏ đến lớn tôi mới biết mùi vị của con đuông. Con đuông là một loại sâu trong cây chà là. Mỗi cây chỉ có một con, con đuông chỉ to bằng một ngón tay, ngon và béo hơn con nhộng, đặc biệt thơm mùi bơ. Đó cũng là cách nó chống dốt cho tôi...

Lần ấy tôi hỏi nó:

- Nghe nói ở ngoài này mày nổi tiếng dân chơi?

- Sao mày biết, ai nói?

- Anh Tư nhà văn.

- Anh Tư nhà văn, tao biết, tao cũng chống dốt cho anh đôi ba lần. Mấy năm đó cũng chơi, nhưng không nổi đình đám bằng sau Mậu thân năm sáu mươi tám.

Thằng dân chơi của tôi kể tiếp:

- Khi quân ta rút dần về căn cứ cũng là lúc tao được tin ông già tao từ Hà Nội về đến rừng U Minh, người đem thư báo tin là một bà già. Thế là tao đóng vai con của bà, về căn cứ. Chuyện cha con gặp nhau vui buồn thôi khỏi kể. Trong những ngày đó, tao gặp ông Chánh ủy khu, vốn là bạn của ông già, tao gọi là chú Sáu. Sau nhiều câu chuyện về Sài Gòn, chú Sáu Chánh ủy nói: “Cách mạng muốn nhờ cháu một việc”... nhờ là chuyện thường tình, đằng này ông nói: “Cách mạng muốn nhờ...”. Tao biết đây là chuyện sống chết, chuyện lớn, tao nghe ớn xương sống, chẳng biết nói gì chỉ biết dạ.

Chú Sáu Chánh ủy tiếp:

- Hiện nay bộ đội mình đã hết tiền, anh em chiến sĩ ăn uống kham khổ, vừa đói vừa chiến đấu. Cách mạng thì có tiền. Nhưng tiền xài không được, có đôla nhưng chưa đổi thành ra tiền của Sài Gòn. Cách Mạng muốn nhờ cháu đổi đô-la ra tiền Sài Gòn, cháu thấy sao?

Té ra hôm nay nói chuyện với ông, ông có ý tìm hiểu và đánh giá khả năng của mình. Tao đã vô tình kể về sự giao du của mình, đối với dân thượng lưu của Sài Gòn. Phải nói là không khí rất nặng nề. Ông già tao mở tròn hai con mắt nhìn tao lom lom. Hình như ông cũng bị bất ngờ trước sự phân công

này. Lâu lắm tao mới mở miệng: “Chú Sáu cho cháu suy nghĩ”.

Đêm hai cha con ngủ chung, ông già bảo: “Con nên nghĩ kỹ, đồng tiền dễ mang tiếng”. Tao đáp: “Con không sợ mang tiếng, con chỉ sợ con không đủ sức”. “Ba đang nghĩ đến bộ đội mình đang đói, tùy con”.

Sáng hôm sau cũng trong ngôi nhà lá trong cụm trầm thưa, bên bờ kinh, tao nhớ một buổi sáng đầy nắng, không nghe tiếng súng, chỉ nghe tiếng chim và tiếng ong bay đi tìm mật, tao ngồi đối diện với chú Sáu Chánh ủy.

Chú hỏi:

- Đêm qua cháu mất ngủ phải không?

- Dạ.

- Cháu đã nghĩ kỹ chưa?

- Dạ kỹ. Cháu xin nhận với hai điều kiện.

- Điều kiện gì cháu cứ nói.

- Điều kiện thứ nhất là cháu hoạt động đơn tuyến. Tự tay cháu nhận tiền và cũng đích thân cháu mang tiền về. Điều kiện thứ hai là cháu được xài tiền.

Tao định giải thích cho rõ điều kiện thứ hai tại sao và tại sao thì chú Sáu Chánh ủy đưa tay vẫy nhẹ:

- Cách mạng hiểu cháu. Cách mạng đồng ý với hai điều kiện của cháu...

Lúc đó tao thầm nghĩ, chú đánh giá đúng người. Không thể để anh em chiến sĩ bị đói, tao nghĩ khi xách đầy một vali đôla trên đường về Sài Gòn.

Về Sài Gòn, mở cửa vào nhà, tao thấy vali lên giường như một cái vali quần áo. Tao sống độc thân, nhà không có ai. Tối hôm đó tao lại ra bar, giao tiếp với các tai to mặt lớn của ngụy Sài Gòn. Xen lẫn trong những câu chuyện tào lao, tao cho họ biết, Trần Lệ Xuân khai thác gỗ ở miền Đông, ở Tây Nguyên, còn tao, tao sẽ khai thác gỗ ở rừng U Minh. “Các ông đánh Việt cộng đến đâu thì tôi làm gỗ đến đó, hẹn một ngày huy hoàng!”.

Sau đó tao đến nhà của một đại tá phu nhân, một mụ đàn bà đầu mỗi buôn lậu, cái gì mụ cũng buôn, có cả buôn tiền, đổi tiền và rửa tiền.

Trên bốn mươi tuổi, đẹp sắc sảo, có học nhưng cặp mắt khi liếc thì bén và ác. Sau khi nghe tao nói mụ bảo:

- Cho tôi xem mẫu.

Vừa nhìn tờ bạc mẫu trên tay tao, mụ nhìn tao với cặp mắt khác, vừa hoảng sợ vừa căm thù:

- Tiền Việt Cộng ở đâu ông có?

Có lẽ tao cũng hoảng hơn cả mụ, nhưng tao làm tỉnh và trấn an bằng một cái lưỡi:

- Tiền nào cũng là tiền. Tôi đến đây không phải để làm chính trị. Tôi với

bà là người làm giàu bằng chiến tranh. Cái gì có lời tôi nghĩ là chúng ta không nên bỏ qua.

Ánh mắt mù ta dịu lại:

- Đô-la này là đô-la Hồng Kông, đất Sài Gòn không ai có, không ai xài, trừ Việt cộng. Nếu muốn đổi ra tiền Việt Nam Cộng Hòa thì phải đổi ra đô-la Mỹ, không dễ đâu!

- Vì không dễ nên tôi mới tìm đến bà, nếu trong tay tôi là đô-la Mỹ thì tôi với bà không quen nhau. Tôi thấy bà đánh giá đúng nhưng chưa đầy đủ, đô-la này người Tàu Chợ Lớn nhiều nhiều lắm, nó có thể đốt cháy tôi và cả bà.

Mụ ta cười, cái cười thấy đồng tiền trước mắt:

- Chiều mai ông trở lại, tôi trả lời dứt khoát...

Đây không phải là báo công mà kẻ lẽ dài dòng, vắn tắt để cho mày biết chơi vậy thôi.

Nói đến chơi, tao chơi một cú thật động trời, bọn tướng tá, thằng nào nghe, gặp tao cũng bái.

Số là hôm đó tao mang về hai vali tiền. Đến cái đồn cuối cùng trước khi vào căn cứ thì trời về chiều, tao xách hai chiếc vali tiền đi thẳng vào đồn. Cái đồn này coi như đồn biên giới giữa hai vùng ta và địch. Khi tao bước vào tên trung úy đồn trưởng biết tao là ai rồi, nó đã nhận được điện của một viên đại tá đàn anh báo trước, nó chực sẵn ngoài cổng.

- Chờ cậu Hai lâu quá! - Vừa vồn vã vừa đỡ lấy hai chiếc vali và hỏi - Gì mà nặng dữ vậy cậu Hai?

- Tiền! Tiền gỗ, tiền phát lương.

Sau đó tao hỏi:

- Ở đây có gì vui?

- Khỉ ho cò gáy, buồn thúi ruột!

- Bây giờ làm gì vui?

Nó nháy mắt cười nửa miệng rất đều:

- Cái gì vui, cậu Hai biết rồi!

Hiểu ý, tao lệnh cho nó:

- Gọi về Sài Gòn, lấy một chiếc trực thăng, chở em xuống, mỗi thằng một em.

Bọn lính đứng xung quanh nhảy dựng lên, có thằng chạy lại nắm bóp hai vai tao...

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, đổi hết tiền, một hôm gặp lại bọn tướng tá trong nhà hàng, mượn rượu tao chửi thẳng vào mặt chúng nó:

- Đ.mẹ, tụi mày đánh giặc như con c... Tao theo chân tụi mày, tao rải

tiền, bây giờ tụi mày tháo chạy, gổ của tao nằm ì tại chỗ, cháy túi.

Mặt thằng nào cũng sượng. Tao thấy nổi thất vọng đến chán chường qua cặp mắt lơ lảo của bọn tướng tá.

Tôi nói:

- Mày tồn tại đến bây giờ kẻ cũng giỏi.

- Biết thế nào mà giỏi với dờ, cũng như mày, bom đạn vậy mà mày vẫn sống, cũng không bị thương. Tao chơi, tao tung hoành trong cái khe hở của bọn nó.

- Mày có viết nhật ký, ghi lại những việc đã làm không?

Nó bật cười:

- Viết làm quái gì!

Tôi hỏi sang chuyện khác:

- Sao mày không lấy vợ?

- Ở đất Sài Gòn này, mang tiếng là dân chơi, có lẽ vì chơi mà tao không tìm ra tình yêu. À! Mày còn nhớ con Thùy không?

- Nhớ đến mày là tao nhớ đến nó.

- Tại sao nó không phải là Thủy là Thuy, là Thụy mà lại là Thùy. Nghĩ đến sự đời, tao thấy đời tao lận đận vì cái dấu huyền.

Tôi làm trung gian sắp xếp một cuộc gặp gỡ giữa hai người bạn được mệnh danh là dân chơi - Anh Tư già nhà văn và Nguyễn Khắc Trung - Một người là dân chơi trong lòng giặc đầy trắc trở, hiểm nguy. Tôi hình dung một cuộc gặp gỡ đầu thú vị.

Chiều hôm đó, tôi ăn mặc đàng hoàng hơn mọi ngày, ngồi chờ.

Thằng Nguyễn Khắc Trung của tôi cỡi chiếc xe Honda đen, như ngồi trên con ngựa ô, xe thắng “két” trước sân nhà, nó khoác tay và hét:

- Bạn áo vô!

## Đạo Tướng

Tân Châu được biết, tên thật của ông là Lâm văn Quốc, tự Ba Quốc, con của ông Lâm văn Ngươn, mẹ là Nguyễn thị Nhỏ, quê ở Cái Cùng xã Long Điền, một thôn nằm ở giữa xã Vĩnh Mỹ và Gia Thái tỉnh Bạc Liêu. Cái đất sinh ra ông là Cái Cùng. Tên “Cái Cùng” gợi cho người ta một vùng rừng đất hoang sơ của U Minh, một vùng rừng còn những con rắn khổng lồ đêm đêm treo mình giữa hai thân cây, tự lấy thân mình làm gàu “bành bạch” tát nước giữa đêm khuya để bắt cá.

Thuở nhỏ, nhà nghèo, Cái Cùng là nơi xa xôi hẻo lánh, nên ông chỉ học đến lớp a, b, c... Lớn lên, với thân hình vạm vỡ của ông, ông thích võ nghệ. Ông thích giao du với các hảo hớn, học võ “Thiếu Lâm tự” để thỏa chí bình sanh, ông lưu lạc lên đất Miên, qua Lào, học thêm bùa ngải.

Sau bao năm “tâm sư học đạo” ông trở lại đất Tân Châu, lãnh cai quản cho gia đình người cậu của mình là ông Nguyễn Chánh Sắt, người có tiếng trong làng văn làng báo thời bấy giờ. Ba Quốc nổi tiếng là người siêng năng, giỏi giang việc đồng áng, to lớn và “hầm hừ” vậy, nhưng hiền lành dễ thương.

Chẳng bao lâu, vào một đêm mưa gió, những đêm mà sông Tiền như con rồng chuyển mình, dậy sóng hàn đập ì ầm, sau những ngày bản thân rã rượi, biếng nói biếng cười, cặp mắt như lò đờ, khi đó ngẫu, thân xác ông như bị một vị khuất mặt nào đó hành hạ ông, ông la, ông hét, ông đâm ngực, ông đập đầu vào cột nhà, rồi ông “phát huệ”, ông lại xưng là “ta là tướng núi” và đủ thứ danh tánh.

Sau đó, ông lập am hành đạo. Rời nhà người cậu, bỏ việc đồng áng, bằng bùa ngải ông bỏ công đi trị bệnh cho bà con dọc theo sông Tiền. Theo lời kể, lạ thay, bệnh nào ông trị cũng hết. Đó là bệnh nhẹ. Còn bệnh nặng, những bệnh kinh niên, ông gọi là bệnh tà ma ám ảnh, sau khi cho bệnh nhân uống bùa ngải, ông ra thần oai, ông đập đầu vào cột nhà cho tà ma hoảng xuất. Rồi ông trầm tư, dùng luồng sáng của đôi mắt chiếu vào bệnh nhân. Cũng lạ thay, bệnh nhân nào cũng thấy nhẹ người, người nào cũng thấy nhẹ người, người nào cũng lồm cồm ngồi dậy xá lạy ông.

Vào năm 1928, cái am bằng tre lá như một cái chòi ruộng được dựng lên, bề thế, tọa lạc trên con đường gọi là Hương Chùa, cách chợ Tân Châu độ cây số ngàn.

Đạo của ông lấy kinh gốc từ chùa Tây An. Mỗi ngày ông hành lễ ba thời: khuya, ngọ và chiều. Trước hết ông lễ Bàn Thầy, Bàn Thánh, Bàn Thần. Bàn chư vị năm Ông, mỗi bàn mười hai lạy. Xong, ông ra lễ bàn Thông Thiên, lạy



đủ bốn phương: đông, nam, tây, bắc.

Khi hành lễ cũng có chuông mào ngân vang như nhà chùa.

Sau 14 năm hành đạo (1925-1939), ông có trên 10.000 tín đồ sống rải rác trên khắp cả đất Tân Châu, từ sông lớn đến kinh rạch qua các đồng sâu. Ông đi đến đâu cũng được tín đồ tung hô, vái lạy. Từ đó ông tự xưng là “Minh Hoàng Quốc”, lúc ban đầu, đạo tưởng có nghĩa là ông ngồi tưởng cho bệnh nhân thoát bệnh.

Sau cái nghĩa của Đạo Tưởng được nâng cao hơn, tưởng về “giang san tổ quốc, tưởng đến ngôi vua”.

Dần dần, cái sân am hành đạo của ông biến thành sân võ. Một đêm đệ tử thấy thần oai, ông đứng đầu vào một thân cây, cây lá rung rinh như đương đầu trước ngọn gió. Như vậy, chắc ông thấy cũng chưa đủ, có lần ông đóng cây đinh ba tấc vào cột nhà, trước mặt hàng ngàn tín đồ đứng vây quanh, ông đứng đầu vào cây đinh, cây đinh quẹo ngang mà đầu ông không hề có một vết xước xây xước.

Rồi đêm đêm, như một thời xa xưa nào được dựng bên bờ sông đất Tân Châu. Trước cái sân am hành đạo của ông, lá dừa bó thành đuốc nổ lép lép, đỏ đùng đục như ánh ma trời. Hàng trăm tín đồ với sắc phục vàng hươm, kiêu loang loáng trong ánh đuốc đỏ rực dưới trời đêm, bên con sông không bao giờ mệt mỏi, vừa trôi vừa vỗ sóng dập bờ.

Chừng như đã có một đạo quân, ông Đạo Tưởng bắt đầu lập triều đình:

Ông là Minh Hoàng Quốc, quân trẻ của Nguyễn văn Hương, Đinh Phan, Vương Lèo và Nguyễn Soái Năm.

Đã có tham vọng, có triều đình, có quân đội, ắt phải có ngày hành động.

Theo sách đã ghi, đó là đêm mừng 8 rạng ngày 9 âm lịch năm Kỷ Mão (20-2-1939), đêm trăng lưỡi liềm mờ mờ ảo ảo cùng nhang khói, tín đồ từ xa kéo đến nghe ông thuyết pháp. Buổi thuyết pháp trong đêm huyền ảo ấy, ông không giảng giáo lý cao siêu của đấng Từ bi hay đức hy sinh cao cả của Phật Thích Ca, mà chuyển giọng sang sảng như tiếng kèn thúc quân.

“Hỡi đồng bào. Dân tộc ta đã bị người Lang Sa cai trị nhục nhã gần trăm năm nay, số của chúng ta đã sắp mãn, đồng bào hãy cùng bốn đạo đánh đuổi quân thù rửa nhục nước”.

Rồi ông đưa tay vỗ ngực, đồng dục tự xưng “Ta là Chánh vì Vương thừa mạng trời lập Quốc”.

Như sóng dậy từ lòng người, tiếng hò hét của tín đồ dâng lên như sấm, đuốc huơ cao, dao gươm kiêu vung lên loang loáng, tiếng reo, tiếng trống, tiếng phèng la nổi dậy trời... Chó dục theo con sông cất tiếng tru ông ổng,

xao xác cả dân chợ dân làng.

Rạng ngày mùng 9 trời vừa hừng sáng, cò Laffont, Quận trưởng Nguyễn văn Đề, thơ ký Phan văn Thông cùng với hai tiểu đội lính vũ trang súng trường, xếp hàng theo một bờ kinh Vĩnh An tiến vào đường chùa. Quân của cò Laffont vây tròn lấy cái am của ông Đạo Tường trong tâm sủng.

Ông Đạo Tường không hề nao núng... Cái am của ông không còn là cái am hành đạo nữa. Là một triều đình đã bày binh bố trận, sẵn sàng chinh chiến. Trước am, ông Đạo Tường oai vệ trong sắc phục vàng, áo tay rộng, đầu phủ bạch cân, lưng thắt dây đen, chân mang giày vàng, cổ đeo vòng thòng xâu chuỗi bồ đề, theo cách mô tả của người cùng thời “ông đường đường như Vu Hồng đương kiểm binh vua tướng quý, sai đậu thành binh hầu xuất trận”. Đứng hai bên, dài dọc theo sân võ, gồm hàng trăm nam nữ “đầu trọc áo vàng” tay gươm tay giáo, bưng bưng khí thế.

Giữa sân võ là hai cái thầy của hai vợ chồng Hương Kiếm đã bị đem ra tế cờ vào giữa đêm vì tội phản đạo.

Ông cất giọng về phía quân thù, nhằm nói với tên cò Laffont và quận Lễ:

- Các ông cứ bắn súng đi. Súng đạn của các ông không lủng được da thịt của quân “Minh Hoàng Quốc” này đâu. Bắn đi.

Sau lời thách thức của ông, súng vẫn im. Với giọng nói hùng hồn và sang sảng của ông, tin đồn không chỉ tin súng không làm gì được ông mà kể cả họ nữa. Họ đã được thầy tâm cho bùa ngải rồi. Cả ông, cả họ không còn là người thường nữa, họ là người mình đồng da sắt.

Quận Lễ đứng từ xa cất tiếng:

- Ba Quốc hãy buông gươm giáo đầu hàng. Không sẽ thiệt mạng.

Đạo Tường phát tay áo:

- Hỡi binh sĩ. Trẫm nay vốn thiệt là “Minh Hoàng”. Các người hãy trả áo lại cho bọn Lang Sa cùng ta tiêu diệt kẻ thù. Tiến.

Tín đồ của ông một loạt trụ bộ, rùng chân đi vừa chĩa gươm giáo vừa hô, tiếng hô như tiếng gầm phát ra từ những lồng ngực, rùng rục máu.

Phía bên cò Laffont và quận Lễ, đạn lên nòng, một họng súng cất lên trời.

- Cóp.

Súng không nổ. Viên đạn lép đầu tiên của cò Laffont là bằng chứng cho lòng tin của Đạo Tường và tín đồ.

Gươm giáo lửa tủa trong vang lên cùng tiếng gầm thét. Súng bắt đầu nổ. Nhưng đạn chỉ cày lên sân cỏ, bốc khói, chẳng trúng ai. Quân “đầu trọc áo vàng” của Đạo Tường vừa nhảy vừa xông lên như một đám lân vừa đập xác pháo vừa cất cao đầu.

Khi mặt dần giáp mặt, ông Đạo Tường vừa lắc hai vai vừa bước, phát hai tay áo, đưa hai bộ vuốt hùm, mắt trợn nhìn cò Laffont, Lễ trong nháy mắt, hai bộ vuốt hùm của ông sẽ móc cả ruột gan cò Laffont.

Cò Laffont vừa lùi bước vừa móc súng, bàn tay cầm súng của hắn run lẩy bẩy. Một tiếng nổ.

Nghe tiếng “hực” của ông, binh lính tín đồ giật mình quay lại. Con người siêu phàm đang loạng choạng, vừa ngã, vừa đưa cái bàn tay móng vuốt hùm lên lồng ngực. Cái lồng ngực căng đầy của ông máu tràn đầm cả chiếc áo vàng. Không một lời trời trăng, chỉ có tiếng “ùng ực” uất nghẹn không nên lời, hai con mắt nhìn trời trợn ngược.

Bao năm tu luyện bùa ngải, chỉ cần một tiếng nổ, một viên đạn đồng bằng đầu đũa, mộng lớn của ông bỗng tan biến như khói hương trong am hàng đạo trong cơn gió.

Ông ngã xuống, không một tín đồ nào ở bên ông, quanh ông chỉ còn là gương giáo của tín đồ đã tản chạy.

Sau này có một lão râu dài đến tận ngực, vốn trước kia, thỉnh thoảng ông được Đạo Tường mời vào am đàm đạo. Ông kể lại với một vài bạn tri âm. “Ông Đạo muốn làm vua nước Nam, nhưng ông không biết biên giới nước Nam mình từ đâu đến đâu. Nước Nam có bao nhiêu sông lớn, bao nhiêu núi cao, ông cũng không rành. Ông tưởng đánh được đồn Tân Châu thì cả quân Pháp đầu hàng. Ông tội thay”.

Ông lão đã đến bàn thờ ông Đạo Tường thắp ba nén nhang:

- Chí khí của ông thật là đáng phục, xin ông nhận cho tôi ba lạy.

Ông quỳ, ông lạy ba lạy rồi chấp tay ngửa mặt lên trời:

- Hỡi ôi. Ông Đạo Tường.

18/04/1992